

Cầu Giấy, ngày 22 tháng 11 năm 2024

Số: 04 /TB - HĐTD

THÔNG BÁO

**Về việc kiểm tra, đính chính thông tin của người đăng ký
dự tuyển viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập
trực thuộc UBND quận Cầu Giấy năm 2024**

Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của Chủ tịch UBND quận Cầu Giấy về việc phê duyệt chỉ tiêu và Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Cầu Giấy năm 2024; Thông báo số 272/TB-UBND ngày 08/10/2024 của UBND quận Cầu Giấy về việc tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Cầu Giấy năm 2024;

Từ ngày 10/10/2024 đến hết ngày 08/11/2024, Tổ tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển đã tiếp nhận 956 phiếu đăng ký dự tuyển của thí sinh. Cụ thể:

- Khối Mầm non: 78 phiếu;
- Khối THCS: 878 phiếu.

(Danh sách cụ thể kèm theo)

Để đảm bảo chính xác thông tin đăng ký dự tuyển trước khi báo cáo Chủ tịch UBND quận phê duyệt danh sách đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét tuyển vòng 2, Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Cầu Giấy năm 2024 (sau đây gọi tắt là Hội đồng tuyển dụng) đề nghị các thí sinh kiểm tra, rà soát lại toàn bộ thông tin cá nhân trong danh sách, đặc biệt lưu ý các thông tin về ngành, chuyên ngành đào tạo, vị trí và đơn vị đăng ký dự tuyển, diện ưu tiên...

Nếu có sai sót cần đính chính (so với thông tin trong phiếu đăng ký dự tuyển đã nộp), thí sinh làm đơn theo mẫu và mang theo tài liệu minh chứng cần thiết (nếu có), Căn cước công dân đến phòng Nội vụ quận Cầu Giấy (Cổng số 3 – số 02 Tôn Thất Thuyết, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, điện thoại liên hệ 0979.413 390) để đối chiếu, xác minh.

Hội đồng tuyển dụng không đính chính đối với các trường hợp bổ sung, thay đổi thông tin so với phiếu đăng ký dự tuyển đã nộp.

Thời gian tiếp nhận đơn đề nghị đính chính thông tin: từ ngày 22/11/2024 đến hết 14 giờ ngày 25/11/2024 (thứ hai). Quá thời gian nêu trên, nếu các thí



sinh không có ý kiến khác được hiểu là thống nhất với thông tin trong danh sách kèm theo Thông báo này.

*** Về việc sát hạch đánh giá năng lực ngoại ngữ:**

Hội đồng tuyển dụng tổ chức sát hạch để đánh giá năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng đối với các thí sinh chưa có văn bằng, chứng chỉ hoặc tài liệu chứng minh năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển (đã được nêu tại Thông báo tuyển dụng số 272/TB-UBND ngày 08/10/2024 của UBND quận Cầu Giấy).

Trình độ năng lực ngoại ngữ cần đạt trong bài sát hạch của mỗi thí sinh được nêu cụ thể trong danh sách (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Kết quả sát hạch năng lực ngoại ngữ là một trong những căn cứ để Hội đồng tuyển dụng xem xét, quyết định công nhận thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển Vòng 2.

Thời gian tổ chức sát hạch đánh giá năng lực ngoại ngữ: Thứ bảy, ngày 07/12/2024.

Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển vòng 2, danh sách thí sinh đăng ký tham gia sát hạch đánh giá năng lực ngoại ngữ, danh sách thí sinh không đủ điều kiện tham gia xét tuyển vòng 2 và các nội dung khác có liên quan sẽ được Hội đồng tuyển dụng thông báo vào ngày 26/11/2024.

Thông báo này và các Thông báo tiếp theo của Hội đồng tuyển dụng được niêm yết công khai tại trụ sở UBND quận Cầu Giấy, Cổng thông tin điện tử quận Cầu Giấy (<https://caugiay.hanoi.gov.vn/>), Website của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Cầu Giấy (<https://caugiay.edu.vn/>), niêm yết tại các đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng để các đơn vị, cá nhân được biết và theo dõi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HBTĐ, NV.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN
Trịnh Thị Dung**

UBND QUẬN CẦU GIẤY
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC
TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRỰC
THUỘC UBND QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2024
KHỐI MẦM NON

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiền sơ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
1	67	Nguyễn Thị Lan Anh	11/09/1994	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	CD	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Quan Hoa				
2	74	Trần Thị Lan Anh	29/06/2001	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	CD	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Quan Hoa		tiếng Anh	bậc 2	
3	38	Vũ Văn Anh	13/11/1999	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Hoa Hướng Dương				
4	36	Cần Thị Ngọc Ánh	27/09/1994	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Quan Hoa				
5	29	Từ Thị Kim Chi	29/07/2002	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Quan Hoa		tiếng Anh	bậc 2	
6	20	Nguyễn Thị Linh Chi	11/11/2002	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				
7	13	Lý Thị Quỳnh Chi	02/10/2002	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Quan Hoa	DTTS			
8	59	Nguyễn Thủy Chinh	15/12/2002	Nữ	Trần Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	CD	Giáo dục mầm non chất lượng cao	GV	Giáo viên mầm non	Quan Hoa				
9	82	Nguyễn Thị Dáng	01/02/1988	Nữ	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				
10	17	Lê Thị Diệu	16/08/1998	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Ánh Sao				
11	33	Nguyễn Thị Phương Dung	06/10/1994	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Tài chính Ngân hàng	NV	Kế toán	Nam Trung Yên				
12	8	Nguyễn Thị Hồng Duyên	06/09/1991	Nữ	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên Mầm non	Hoa Hướng Dương				
13	9	Nguyễn Thị Giang	02/02/1982	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên Mầm non	Nam Trung Yên	CTB			
14	44	Đặng Hoàng Hà	19/09/1998	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	NV	Kế toán	Nam Trung Yên				
15	64	Nguyễn Thanh Hà	10/06/1990	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Quan Hoa				
16	18	Nguyễn Thị Thu Hà	03/02/1998	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Quan Hoa				
17	15	Nguyễn Việt Hà	09/05/1995	Nữ	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiến sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
18	30	Trần Thị Việt Hà	01/02/2002	Nữ	Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Quan Hoa				
19	70	Vũ Thị Bích Hào	04/10/1996	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	CD	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Dịch Vọng Hậu				
20	49	Nguyễn Thị Hào	12/07/1995	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Dịch Vọng Hậu				
21	32	Lê Thị Hồng Hạnh	03/08/1988	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Nam Trung Yên		tiếng Anh	bậc 3	
22	77	Phan Thị Thúy Hằng	15/09/2003	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	CD	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Quan Hoa		tiếng Anh	bậc 2	
23	28	Lê Thu Hiền	15/08/2002	Nữ	Phượng Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên		tiếng Anh	bậc 2	
24	65	Nguyễn Thu Hiền	09/09/1997	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				
25	47	Giáp Thị Hoa	06/09/1995	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Quản trị văn phòng (Chứng chỉ nghiệp vụ Lưu trữ)	NV	Văn thư	Dịch Vọng Hậu				
26	48	Nguyễn Thị Thanh Hòa	30/06/1998	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				
27	61	Chu Thị Huân	20/09/1990	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	CD	Sư phạm mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				
28	37	Đỗ Thị Huệ	16/10/1982	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Hoa Hướng Dương		tiếng Anh	bậc 3	
29	68	Vũ Thị Huyền	10/05/1987	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				
30	62	Đỗ Khánh Hương	01/04/1983	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Kế toán tổng hợp	NV	Kế toán	Nam Trung Yên				
31	50	Trần Thị Kim Hương	11/10/1990	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Hoa Sen				
32	57	Nguyễn Thu Hương	13/07/1997	Nữ	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Hoa Sen				
33	78	Lê Thị Thu Hương	27/02/1995	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Quản trị nhân lực (Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ)	NV	Văn thư	Hoa Sen				
34	76	Phạm Thị Lan	18/11/1988	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	CD	Sư phạm mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên		tiếng Anh	bậc 2	
35	84	Nguyễn Ngọc Thu Lan	14/11/1999	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Lưu trữ học	NV	Văn thư	Hoa Sen				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
36	83	Nguyễn Thị Thanh Lâm	04/06/1999	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên		tiếng Anh	bậc 2	
37	60	Nguyễn Thị Liên	09/01/1988	Nữ	Yên Thái, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				
38	4	Khuất Thị Diệu Linh	06/04/1990	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên Mầm non	Dịch Vọng Hậu				
39	73	Đặng Thùy Linh	16/01/1989	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	TC	Văn thư - Lưu trữ	NV	Văn thư	Dịch Vọng Hậu				
40	21	Lê Thị Thùy Linh	14/04/1992	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				
41	35	Tổng Thị Luận	20/12/1988	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Hoa Sen		tiếng Anh	bậc 3	
42	75	Hoàng Thị Lý	11/05/1986	Nữ	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Hoa Hướng Dương		tiếng Anh	bậc 2	
43	7	Nguyễn Thị Lý	14/04/1997	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	CD	Giáo dục Mầm non Chuyên ngành Phát triển nhận thức - ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội	GV	Giáo viên mầm non	Dịch Vọng Hậu				
44	71	Trần Thị Ngọc Mai	24/09/2001	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Dịch Vọng Hậu				
45	66	Nguyễn Thị Mai	26/04/1991	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				
46	46	Nguyễn Thị Minh	03/08/1986	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				
47	19	Nguyễn Hà My	15/09/1992	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				
48	39	Nguyễn Thị Huyền Nga	04/01/1993	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Tài chính Ngân hàng	NV	Kế toán	Nam Trung Yên		tiếng Anh	bậc 3	
49	42	Hoàng Thị Thanh Nga	05/02/1987	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	NV	Kế toán	Hoa Hướng Dương				
50	23	Khuất Thị Thúy Nga	06/12/2002	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Quan Hoa				
51	10	Phan Thị Hồng Ngọc	11/06/1999	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Quan Hoa				
52	43	Trần Thị Hồng Ngọc	07/01/2001	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Hoa Sen				
53	11	Vũ Thị Khánh Ngọc	14/01/1993	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Ánh Sao				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiền sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
54	16	Nguyễn Thảo Nguyên	21/07/2001	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Ánh Sao				
55	2	Lê Thanh Nhài	20/12/1997	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Ánh Sao		tiếng Anh	bậc 2	
56	27	Nguyễn Phương Nhung	20/10/1989	Nữ	Khuong Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				
57	85	Cao Thị Thùy Ninh	01/04/1993	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Kế toán Doanh nghiệp	NV	Kế toán	Nam Trung Yên	CTB	tiếng Anh	bậc 3	
58	24	Bùi Thị Nụ	28/07/2001	Nữ	Kim Bôi, Kim Bôi, Hòa Bình	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Quan Hoa	DTTS	tiếng Anh	bậc 2	
59	69	Đỗ Thị Oanh	24/11/1990	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Ánh Sao				
60	3	Nguyễn Thị Oanh	08/03/1989	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Hoa Hướng Dương				
61	25	Nguyễn Thị Phương	08/03/2000	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên		tiếng Anh	bậc 2	
62	80	Triệu Thu Phương	16/03/1993	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	NV	Kế toán	Hoa Hướng Dương		tiếng Anh	bậc 3	
63	22	Đặng Ngọc Minh Tâm	06/05/2001	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Ánh Sao				
64	58	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/05/2002	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				
65	31	Phạm Thị Thắm	09/03/1993	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Hoa Hướng Dương				
66	1	Chu Thị Thu	07/04/1994	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên				
67	5	Nguyễn Thị Thu	03/08/1987	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Ánh Sao				
68	26	Trần Thị Thùy	19/11/1998	Nữ	Tiến Thắng, Mễ Linh, Hà Nội	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Quan Hoa				
69	63	Nguyễn Thị Vân Thùy	05/07/1984	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại	NV	Kế toán	Hoa Mai				
70	45	Nguyễn Thị Minh Thư	13/11/1984	Nữ	Di Trạch, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Hoa Hướng Dương				
71	41	Phạm Thị Thương	01/04/1998	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Hoa Hướng Dương				
72	12	Ngô Thu Trang	24/09/1988	Nữ	Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Ánh Sao				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đang ký dự tuyển	Ưu tiên	Sĩt hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
73	79	Lê Thị Thùy Trang	18/10/2000	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	CD	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Hoa Sen				
74	34	Nguyễn Thị Thùy Trang	28/10/1995	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Nam Trung Yên		tiếng Anh	bậc 3	
75	14	Nguyễn Thị Tuyên	19/04/1987	Nữ	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Hoa Sen				
76	6	Lường Thị Tuyết	12/02/1994	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Nam Trung Yên	DTTS			
77	40	Nguyễn Thị Kim Uyên	20/11/1999	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Hoa Hướng Dương				
78	72	Nguyễn Thị Yên	27/10/2001	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Giáo viên mầm non	Dịch Vọng Hậu				

Danh sách này có 78 người

* Danh sách sắp xếp theo thứ tự A,B,C....

* Thí sinh chưa có văn bằng, chứng chỉ, tài liệu chứng minh trình độ năng lực ngoại ngữ phù hợp phải tham gia sát hạch ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng (Trình độ năng lực ngoại ngữ xác định theo bậc thuộc khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam)

UBND QUẬN CẦU GIẤY
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC
TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRỰC
THUỘC UBND QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2024
KHỐI THCS

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học- ĐH, Cao đẳng- CĐ, Trung cấp- TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	119	Phạm Hà An	31/08/1999	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh (ĐH Sư phạm tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Nghĩa Tân				
2	26	Phạm Châu Anh	15/08/2002	Nữ	Trường Thi, TP. Nam Định, Nam Định	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
3	407	Lê Thị Hà Anh	28/12/2000	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		tiếng Trung	bậc 3	
4	757	Đỗ Hải Anh	14/02/2000	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh	GV	Tiếng Anh	Trung Hòa				
5	256	Phạm Thị Hải Anh	23/05/1999	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Công dân	GV	Giáo dục công dân	Trần Duy Hưng				
6	532	Nguyễn Thị Hoài Anh	15/01/1996	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
7	522	Lê Thị Hoàng Anh	10/11/1996	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh học	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
8	467	Phạm Hồng Anh	15/05/2001	Nữ	Đồng Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
9	778	Nguyễn Hoàng Huyền Anh	10/10/2002	Nữ	TT. Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Dịch Vọng		tiếng Anh	bậc 3	
10	29	Nguyễn Huyền Anh	19/06/2002	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
11	641	Ngô Kiều Anh	12/05/2001	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
12	486	Phan Thị Kiều Anh	24/08/2002	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
13	671	Nguyễn Kim Anh	07/02/1997	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
14	602	Hà Lan Anh	16/08/1995	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Toán giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
15	417	Đặng Thị Lan Anh	01/11/2000	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Trương Công Giai				
16	28	Mai Thị Lan Anh	30/04/2001	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
17	273	Nguyễn Thị Lan Anh	19/10/1987	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	Kế toán (Trung cấp Hành chính Văn thư)	NV	Văn thư	Nghĩa Tân				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiền sỹ-TS, Thạc sỹ-ThS, Đại học- ĐH, Cao đẳng- CĐ, Trung cấp- TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
18	64	Nguyễn Vũ Lan Anh	28/08/2000	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
19	722	Chu Mai Anh	23/08/2002	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Trung Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
20	470	Phạm Mai Anh	10/10/1999	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp THCS)	GV	Tiếng Anh	Nghĩa Tân				
21	359	Lê Thị Mai Anh	11/09/1995	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
22	674	Nguyễn Thị Mai Anh	26/02/1997	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa lý	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
23	117	Đỗ Minh Anh	10/06/2002	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
24	776	Trần Hà Minh Anh	30/04/2000	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai				
25	157	Lê Minh Anh	09/04/2000	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
26	653	Nguyễn Minh Anh	05/12/2000	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
27	69	Nguyễn Thị Minh Anh	02/03/2000	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán học	Yên Hòa				
28	735	Nguyễn Thị Minh Anh	02/06/2000	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
29	280	Bùi Ngọc Anh	07/06/1990	Nữ	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	ThS	Hóa phân tích (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Trương Công Giai				
30	437	Nguyễn Ngọc Anh	05/09/1997	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp hướng giảng dạy (POHE)	GV	Công nghệ	Mai Dịch				
31	476	Nguyễn Ngọc Anh	28/12/2000	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Quản trị trường học (Chứng chỉ Nghiệp vụ Thông tin - Thư viện)	NV	Thư viện	Trương Công Giai				
32	553	Nguyễn Ngọc Anh	18/11/1999	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Ngôn ngữ học (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng				
33	575	Nguyễn Ngọc Anh	01/04/2002	Nữ	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
34	567	Phạm Ngọc Anh	03/12/2002	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
35	859	Đinh Thị Ngọc Anh	06/08/1996	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
36	138	Hà Thị Ngọc Anh	24/11/2002	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CE, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
37	749	Hoàng Thị Ngọc Anh	25/11/1996	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng				
38	88	Lại Thị Ngọc Anh	26/06/2002	Nữ	Hồng Phong, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
39	373	Trần Thị Ngọc Anh	02/09/1994	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Yên Hòa				
40	164	Trịnh Ngọc Anh	09/02/2001	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục công dân	GV	Giáo dục công dân	Trung Hòa				
41	341	Nguyễn Thị Nhật Anh	18/09/1996	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
42	401	Vũ Nhật Anh	25/09/1997	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (ĐH Sư phạm tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
43	115	Dương Phương Anh	21/03/2002	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng				
44	783	Trần Đặng Phương Anh	29/08/2000	Nữ	Kim Tân, Thạch Thành, Thanh Hóa	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
45	507	Lê Phương Anh	23/09/2002	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Dịch Vọng				
46	266	Bùi Thị Phương Anh	15/09/2001	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
47	509	Cao Thị Phương Anh	11/12/2002	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
48	153	Ngô Thị Phương Anh	12/05/2000	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Dịch Vọng				
49	440	Ngô Thị Phương Anh	12/12/1997	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh học	Mai Dịch				
50	78	Trần Thị Phương Anh	36802	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
51	679	Trần Phương Anh	06/05/1997	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Yên Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
52	765	Vũ Phương Anh	14/07/1995	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật Lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
53	514	Hoàng Quỳnh Anh	04/06/2000	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn				
54	771	Nguyễn Lương Quỳnh Anh	10/11/1994	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
55	512	Ngô Quỳnh Anh	15/06/2002	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch				
56	131	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01/12/2000	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Điện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
57	504	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	23/03/2001	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học chất lượng cao	GV	Hóa học	Dịch Vọng				
58	195	Vũ Thế Anh	07/07/1992	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (ĐH Sư phạm Vật lý)	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
59	607	Nguyễn Thị Anh	15/04/2002	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
60	420	Nguyễn Thị Thúy Anh	08/09/1989	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Yên Hòa				
61	181	Nguyễn Thị Trâm Anh	12/11/1992	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên tiếng Anh THCS)	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
62	304	Nguyễn Tuấn Anh	11/01/1987	Nam	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
63	698	Vũ Thị Tú Anh	22/11/1999	Nữ	Phương Liền, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
64	100	Nguyễn Hà Vân Anh	07/12/2002	Nữ	Trương Định, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
65	611	Hà Thị Vân Anh	06/03/2002	Nữ	Đông Hòa, TP. Thái Bình, Thái Bình	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
66	787	Nguyễn Thị Vân Anh	31/08/2001	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
67	824	Nguyễn Thị Vân Anh	27/08/1998	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Văn học dân gian (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai				
68	531	Vũ Thị Vân Anh	24/11/1996	Nữ	Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa				
69	717	Hoàng Thành Ái	19/05/2002	Nữ	Thanh Hương, Thanh Liêm, Hà Nam	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
70	596	Nguyễn Ngọc Ánh	29/11/2002	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
71	789	Nguyễn Ngọc Ánh	03/01/2001	Nữ	Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Khoa học Tự Nhiên	GV	Sinh học	Trần Duy Hưng				
72	866	Thiều Nguyễn Ngọc Ánh	13/09/2000	Nữ	Chương Dương Độ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
73	868	Đỗ Thị Ngọc Ánh	01/12/1999	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
74	430	Hoàng Thị Ngọc Ánh	01/07/1996	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Hóa hữu cơ (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
75	52	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/08/2001	Nữ	Khuong Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Nghĩa Tân				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV, Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
76	307	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	11/12/2002	Nữ	Cổ Loa, Long Biên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trương Công Giai				
77	321	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	24/07/2000	Nữ	Xuân Đình, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
78	452	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/07/1994	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
79	66	Phan Thị Ánh	19/10/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng				
80	233	Nguyễn Thị Bảy	19/01/2001	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
81	140	Nguyễn Văn Bằng	29/06/1991	Nam	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	Giáo dục thể chất	Mai Dịch	DTTS, HTNV	tiếng Anh	bậc 3	
82	713	Đặng Văn Bắc	22/09/2000	Nam	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
83	441	Vũ Bảo Bình	21/02/1998	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp	GV	Công nghệ	Mai Dịch				
84	455	Hoàng Thị Hồng Bình	23/01/1979	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
85	237	Nguyễn Thanh Bình	18/04/2002	Nữ	Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
86	1	Nguyễn Thị Bình	25/06/1995	Nữ	Đắc Sở, Hoài Đức, Hà Nội	ThS	Văn học nước ngoài (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
87	855	Trần Ánh Ngọc Bích	04/02/2002	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
88	780	Hán Ngọc Cẩm	23/11/1996	Nam	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Dịch Vọng		tiếng Anh	bậc 3	
89	331	Tô Gia Cẩn	11/10/1993	Nam	Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
90	145	Lê Thị Minh Châu	26/07/2000	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	ThS	Giảng dạy tiếng Anh (ĐH Sư phạm tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
91	219	Vũ Minh Châu	21/06/2000	Nữ	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
92	626	Nguyễn Hà Chi	08/09/2001	Nữ	Đồng Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch				
93	419	Đỗ Hồng Chi	21/06/1999	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Mai Dịch				
94	643	Vũ Hồng Chi	10/11/1985	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
95	589	Đặng Khánh Chi	10/10/2001	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
96	753	Nguyễn Thị Khánh Chi	14/11/1999	Nữ	Tri Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Nam Trung Yên				
97	85	Nguyễn Kim Chi	23/11/1998	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Dịch Vọng				
98	148	Vũ Thị Kim Chi	22/12/1990	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (ĐH Sư phạm tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
99	542	Trần Kim Chi	22/07/2001	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
100	524	Phạm Linh Chi	10/11/1997	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	ThS	Toán giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
101	169	Nguyễn Thị Linh Chi	22/06/1995	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh (ĐH Sư phạm tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
102	217	Đỗ Mai Chi	15/12/1998	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Lê Quý Đôn				
103	707	Chu Quỳnh Chi	07/08/2002	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai				
104	369	Nguyễn Quỳnh Chi	12/05/1995	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
105	94	Trần Quỳnh Chi	07/09/2002	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
106	348	Lê Thùy Chi	11/02/1998	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Luật, Công tác xã hội (Chứng chỉ Thông tin - Thư viện)	NV	Thư viện	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 1	
107	155	Ngô Tùng Chi	09/10/2002	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trương Công Giai				
108	814	Nguyễn Đỗ Chiến	27/12/1983	Nam	Trần Hữu Dực, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
109	809	Đặng Thị Chinh	31/07/1996	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
110	501	Nguyễn Thị Tuyết Chinh	27/10/1990	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Ngôn ngữ Anh (ĐH Sư phạm tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
111	537	Đỗ Thị Kim Chung	03/05/1989	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật	GV	Công nghệ	Mai Dịch				
112	245	Phạm Thị Chung	10/10/1979	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	Tiếng Anh Sư phạm	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai	CĐCĐ			
113	587	Trịnh Thị Chuyên	21/10/1981	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Tiếng Anh Sư phạm	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học- ĐH, Cao đẳng- CD, Trung cấp- TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
114	853	Nguyễn Thị Quỳnh Chúc	25/11/1994	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
115	247	Dương Thị Thanh Chúc	12/08/1993	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
116	511	Nguyễn Thị Chúc	08/02/2001	Nữ	Trang Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
117	70	Lê Chí Công	22/12/2001	Nam	Phượng Trung, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
118	397	Nguyễn Thị Kim Cúc	25/09/1999	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Dịch Vọng		tiếng Anh	bậc 3	
119	488	Đỗ Thị Cúc	20/04/1993	Nữ	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Giáo dục thể chất	GV	Giáo dục thể chất	Mai Dịch				
120	188	Nguyễn Mạnh Cường	04/05/1996	Nam	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trung Hòa				
121	404	Phạm Việt Cường	07/05/2001	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán học	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
122	443	Nông Kiều Diễm	19/12/1993	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật Nông nghiệp	GV	Công nghệ	Lê Quý Đôn	DTTS			
123	16	Nguyễn Thị Lệ Diễm	17/02/1994	Nữ	Phượng Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán (ĐH Sư phạm Vật lý)	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
124	409	Lê Thị Ngọc Diệp	16/08/2001	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý (dạy Vật lý bằng tiếng Anh)	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
125	120	Lê Thị Dịu	18/09/2002	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tin học	GV	Tin học	Nghĩa Tân				
126	381	Ngô Thị Dịu	08/05/1992	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Trần Duy Hưng	CĐCĐ	tiếng Anh	bậc 3	
127	10	Nguyễn Thị Dịu	11/11/1998	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
128	308	Nguyễn Như Doanh	14/10/1978	Nam	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai	CBB			
129	278	Nguyễn Thị Kim Dung	02/10/1983	Nữ	Dược Thượng, Tiên Dược, Sóc Sơn	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp	GV	Công nghệ	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
130	53	Nguyễn Ngọc Dung	20/04/2001	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
131	408	Đào Phương Dung	18/04/2001	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
132	42	Nguyễn Thị Phương Dung	06/07/1989	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán (ĐH Sư phạm Vật lý)	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng	CĐCĐ			
133	133	Đặng Thanh Dung	36475	Nữ	Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV, Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
134	103	Đặng Thị Dung	08/10/1993	Nữ	Văn Phú, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa lý	Yên Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
135	86	Hoàng Thị Dung	15/05/1987	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ThS	Toán Giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng	CBB			
136	186	Nguyễn Thị Dung	22/05/1989	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa lý	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
137	502	Nguyễn Thị Dung	06/01/1988	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	GV	Công nghệ	Mai Dịch	DTTS	tiếng Anh	bậc 3	
138	230	Nguyễn Thị Thùy Dung	31/01/1993	Nữ	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
139	591	Trần Thị Thùy Dung	06/11/2000	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Dịch Vọng				
140	529	Đinh Thị Tuyết Dung	20/02/1989	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
141	436	Lê Thị Vân Dung	03/10/2002	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
142	241	Trần Quang Duy	31/12/2001	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học (Dạy Toán bằng tiếng Anh)	GV	Toán học	Trương Công Giai				
143	857	Chu Thị Duyên	13/11/2001	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
144	635	Nguyễn Thị Duyên	18/10/1991	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Văn học (Chúng chi lý luận dạy học và giáo dục)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
145	634	Nguyễn Thị Thu Duyên	08/09/1998	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
146	466	Đinh Văn Dũng	13/10/1995	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
147	639	Ninh Thị Ánh Dương	25/03/2000	Nữ	Trần Nguyên Hãn, TP. Bắc Giang, Bắc Giang	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
148	283	Trần Khánh Dương	21/09/2002	Nữ	Tân Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
149	506	Vũ Thị Dương	28/08/1995	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Đại số và Lý thuyết số (ĐH Sư phạm Toán)	GV	Toán học	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
150	792	Nguyễn Thị Thùy Dương	31/12/2002	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Khoa học Tự Nhiên	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn				
151	393	Phạm Thị Dự	28/06/1986	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Ngữ văn (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
152	471	Nguyễn Anh Đào	17/05/1992	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Mỹ thuật	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
153	836	Lê Quang Đạt	10/07/1998	Nam	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
154	99	Nguyễn Thành Đạt	18/06/2002	Nữ	Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh	ĐH	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	NV	Văn thư	Trương Công Giai				
155	821	Nguyễn Tuấn Đạt	28/10/1987	Nam	Kim Thư, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tin học	GV	Tin học	Yên Hòa		Tiếng Anh	bậc 3	
156	114	Lê Thị Phương Đông	29/03/1995	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
157	869	Nông Thị Đợi	01/02/2001	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Nam Trung Yên	DTTS	Tiếng Anh	bậc 3	
158	705	Nguyễn Ngọc Đức	13/02/1992	Nam	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch				
159	57	Cao Trần Đức	14/10/1999	Nam	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán (chất lượng cao)	GV	Toán học	Trung Hòa				
160	721	Nguyễn Trí Đức	08/10/2002	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
161	561	Nguyễn Trung Đức	16/10/2001	Nam	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
162	538	Nguyễn Văn Đức	20/07/1993	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Dịch Vọng				
163	521	Lê Việt Đức	28/10/2001	Nam	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch				
164	309	Doãn Thị Hoàng Giang	08/08/1999	Nữ	Khuong Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
165	79	Đinh Hương Giang	07/02/2000	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
166	333	Nguyễn Hương Giang	09/05/1993	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng				
167	841	Nguyễn Hương Giang	03/12/2001	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
168	491	Tạ Hương Giang	13/12/2000	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
169	378	Hoàng Thị Hương Giang	24/05/1996	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	ThS	Hóa môi trường (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Trương Công Giai				
170	781	Vũ Hương Giang	26/11/2002	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
171	236	Nguyễn Khánh Giang	18/01/2000	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
172	536	Lê Minh Giang	26/01/1994	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Tài chính ngân hàng	NV	Kế toán	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
173	566	Đinh Thị Giang	02/11/1995	Nữ	Tiên Dương, Đống Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tin học	GV	Tin học	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV, Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
174	268	Trần Thị Giang	18/10/1996	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Mai Dịch				
175	361	Nguyễn Thu Giang	11/09/2001	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
176	469	Trần Thùy Giang	05/11/1988	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo viên TCCN)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
177	129	Lưu Trà Giang	22/03/1994	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (ĐH Sư phạm tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
178	364	Nguyễn Trà Giang	04/05/2002	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	GV	Địa lý	Dịch Vọng Hậu				
179	433	Nguyễn Thị Hải Hà	11/08/2001	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
180	25	Tạ Minh Hà	06/10/2000	Nữ	Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
181	890	Hoàng Thị Ngọc Hà	21/09/1999	Nữ	Giáp Nhất, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Tài năng Hóa (Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên THCS môn KHTN)	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng		Tiếng Anh	bậc 3	
182	328	Nguyễn Nhị Hà	20/09/1992	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
183	826	Vũ Thanh Hà	27/04/1988	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Toán giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trương Công Giai	CĐCĐ			
184	418	Dương Thái Hà	15/02/1999	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học (Dạy Toán bằng tiếng Anh)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
185	815	Nguyễn Thị Thái Hà	07/06/2000	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
186	143	Phạm Thị Hà	26/11/1995	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
187	211	Đỗ Thu Hà	19/12/2002	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
188	803	Đỗ Thu Hà	23/06/1998	Nữ	Khuong Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Biểu diễn Âm nhạc (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dành cho giáo viên Âm nhạc THCS)	GV	Âm nhạc	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
189	599	Hoàng Thu Hà	15/08/2002	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
190	782	Nguyễn Thu Hà	25/04/1994	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh học	Trần Duy Hưng				
191	123	Phạm Thu Hà	26/02/1994	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ThS	Toán Giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Lê Quý Đôn				
192	637	Đinh Thị Thu Hà	10/10/1999	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Yên Hòa		tiếng Anh	bậc 3	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV, Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
193	628	Đỗ Thị Thu Hà	14/04/2000	Nữ	Tiến Thắng, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
194	675	Ngô Thị Thu Hà	15/10/1997	Nữ	Hùng Vương, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
195	218	Trần Thu hà	28/09/1995	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trương Công Giai				
196	888	Trần Thu Hà	11/10/2001	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học (CLC)	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
197	598	Dương Thị Thủy Hà	15/06/1987	Nữ	Đặc Xá, Thanh Thủy, Phú Thọ	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Mai Dịch	CBB	tiếng Anh	bậc 3	
198	290	Bùi Việt Hà	02/01/2001	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh học	Trương Công Giai	DTTS			
199	72	Nguyễn Việt Hà	13/12/1998	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Phương pháp Toán sơ cấp (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
200	733	Trần Việt Hà	14/02/2002	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trương Công Giai				
201	849	Vũ Việt Hà	25/03/1996	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Lê Quý Đôn				
202	37	Hoàng Thị Hồng Hải	30/10/2001	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
203	253	Nguyễn Long Hải	20/04/2000	Nam	Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
204	71	Nguyễn Thanh Hải	28/10/1995	Nữ	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Chính trị (Chứng nhận đáp ứng chuyên môn nghiệp vụ dạy môn GD CD)	GV	Giáo dục công dân	Trần Duy Hưng				
205	772	Kiều Thị Hải	02/08/1999	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Nam Trung Yên				
206	254	Lê Thị Hải	11/11/1991	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TC	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	Thư viện	Trần Duy Hưng				
207	554	Trần Thị Hải	19/04/1989	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
208	136	Vũ Thị Hải	04/10/1996	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ThS	Thực vật học (ĐH Sư phạm Sinh học)	GV	Sinh học	Trương Công Giai				
209	605	Vũ Hữu Hào	20/09/2000	Nam	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
210	837	Vũ Thị Bích Hạnh	18/04/1999	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt (ĐH Sư phạm Ngữ Văn)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
211	652	Nguyễn Hồng Hạnh	28/11/2002	Nữ	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiến sĩ-TS, Thạc sĩ-ThS, Đại học- ĐH, Cao đẳng- CD, Trung cấp- TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Nguồn ngữ	Trình độ	
212	167	Lã Thị Hồng Hạnh	07/01/1988	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (ĐH Sư phạm tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
213	32	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07/01/1995	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Nam Trung Yên				
214	141	Vũ Minh Hạnh	01/03/2001	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (ĐH Sư phạm tiếng Pháp)	GV	Tiếng Anh	Nam Trung Yên				
215	227	Chu Thị Phương Hạnh	31/12/1991	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (ĐH Ngôn ngữ Anh)	GV	Tiếng Anh	Nam Trung Yên				
216	297	Lê Thị Hạnh	15/07/1992	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ThS	Văn học Việt Nam (ĐH Văn học, Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
217	508	Ngô Thị Hạnh	16/12/1991	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	ThS	Toán Giải tích (ĐH Toán học, Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
218	289	Nguyễn Thị Hạnh	13/04/1999	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
219	480	Trần Thị Hạnh	10/10/1983	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
220	73	Lê Minh Hằng	27/02/1998	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
221	396	Lê Minh Hằng	21/07/1996	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
222	271	Phan Minh Hằng	30/08/1998	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
223	128	Trần Thị Minh Hằng	19/08/1992	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (ĐH Sư phạm Sinh học)	GV	Sinh học	Trần Duy Hưng				
224	317	Nguyễn Thanh Hằng	28/02/2002	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Dịch Vọng				
225	496	Chu Thị Hằng	01/12/2001	Nữ	Yên Phụ, Yên Phong, Bắc Ninh	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Lê Quý Đôn				
226	118	Dương Thị Hằng	06/08/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
227	710	Nguyễn Thị Hằng	26/08/2000	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai				
228	564	Phan Thị Hằng	27/07/1987	Nữ	Võng La, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
229	252	Trần Thị Hằng	20/11/1989	Nữ	Khuong Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ThS	Hóa hữu cơ (ĐH Hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm)	GV	Hóa học	Trương Công Giai				
230	371	Vũ Thị Hằng	09/02/1994	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
231	784	Khuất Thu Hằng	09/04/2001	Nữ	Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
232	858	Nghiêm Thu Hằng	21/12/1995	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
233	563	Phạm Thu Hằng	09/05/1992	Nữ	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	ThS	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh (ĐH Ngôn ngữ Anh)	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
234	296	Nguyễn Thị Thu Hằng	25/10/2002	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa				
235	725	Nguyễn Thị Thu Hằng	29/01/1981	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Hóa hữu cơ (ĐH Công nghệ Hóa, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm bậc I)	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng				
236	499	Vũ Thị Thu Hằng	18/01/1993	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (ĐH Sư phạm tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Nghĩa Tân				
237	221	Nguyễn Thị Thúy Hằng	23/12/1996	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
238	294	Nguyễn Thị Thúy Hằng	02/10/1998	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
239	187	Trần Thúy Hằng	14/10/1997	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Dịch Vọng				
240	149	Nguyễn Đức Hậu	23/09/1993	Nam	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
241	206	Nguyễn Thúy Hậu	01/07/1996	Nữ	Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	NV	Kế toán	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
242	358	Nguyễn Thị Hiền	24/01/1995	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Địa lý chất lượng cao	GV	Địa lý	Yên Hòa				
243	644	Nguyễn Thị Hiền	12/04/1998	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
244	222	Ngô Diệu Hiền	12/11/1995	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
245	201	Nguyễn Thanh Hiền	15/12/2002	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Yên Hòa				
246	351	Lê Thị Hiền	14/08/1995	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Trương Công Giai				
247	295	Nguyễn Thị Hiền	20/10/1996	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch				
248	315	Nguyễn Thị Hiền	15/07/1986	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	ThS	Toán giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học- ĐH, Cao đẳng- CD, Trung cấp- TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
249	790	Nguyễn Thị Hiền	27/10/1999	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
250	208	Trần Thị Hiền	19/12/1995	Nữ	Khuong Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Chính trị (Chứng nhận đáp ứng chuyên môn nghề nghiệp vụ dạy môn GD CD)	GV	Giáo dục công dân	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
251	568	Trương Thị Hiền	18/10/1984	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ThS	Văn học nước ngoài (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
252	209	Vũ Thị Hiền	27/05/2000	Nữ	Thanh Giang, Thanh Miện, Hải Dương	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
253	738	Đinh Thu Hiền	09/12/1988	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
254	654	Khuong Thu Hiền	01/10/1990	Nữ	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
255	91	Nguyễn Thị Thu Hiền	19/08/1976	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Trần Duy Hưng				
256	377	Nguyễn Thị Thu Hiền	14/10/1988	Nữ	TT.Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
257	474	Nguyễn Thị Thu Hiền	23/12/1982	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng		tiếng Anh	bậc 3	
258	134	Phạm Thị Thu Hiền	06/02/1993	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán - Tin	GV	Tin học	Trương Công Giai				
259	55	Phạm Thúy Hiền	26/10/2002	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
260	122	Nguyễn Đắc Minh Hiếu	03/09/2002	Nam	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	Giáo dục thể chất	Mai Dịch				
261	573	Nguyễn Minh Hiếu	23/08/2002	Nam	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
262	391	Vũ Minh Hiếu	10/06/2001	Nam	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
263	540	Lê Ngọc Hiếu	12/07/1998	Nữ	Khuong Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng				
264	425	Trương Văn Hiếu	23/06/1995	Nam	Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Công nghệ	GV	Công nghệ	Mai Dịch				
265	681	Trần Thị Ánh Hiệp	25/01/2001	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
266	829	Nguyễn Quốc Hiệp	23/08/1999	Nam	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
267	59	Mai Thị Hiệp	06/10/1983	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Tiếng Anh (Chứng chỉ Nghiệp vụ Sư phạm)	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiền sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
268	453	Nguyễn Thị Hồng Hoa	25/03/1998	Nữ	Kim Sơn, Ninh Bình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
269	718	Nguyễn Thị Mai Hoa	28/11/2001	Nữ	Sen Phương, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
270	808	Đặng Thị Như Hoa	03/02/1986	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Lý luận Văn học (ĐH Ngữ văn, Nghiệp vụ Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
271	130	Đỗ Thanh Hoa	24/01/1992	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ThS	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (ĐH Sư phạm tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
272	732	Vũ Thanh Hoa	04/06/1995	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục Chính trị (ĐH Giáo dục công dân)	GV	Giáo dục công dân	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
273	764	Lê Thị Hoa	15/02/1991	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Thông tin - Thư viện	NV	Thư viện	Trương Công Giai				
274	840	Ngô Thị Hoa	24/04/1999	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
275	586	Nguyễn Thị Hoa	14/12/1999	Nữ	Trần Phú, TP. Hải Dương, Hải Hưng	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
276	645	Nguyễn Thị Hoa	09/02/1994	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
277	19	Tạ Thị Hoa	05/01/1990	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
278	305	Trần Thị Hoa	19/01/2002	Nữ	Gia Bình, Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
279	629	Trần Thị Hoa	02/09/1995	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
280	711	Đỗ Thị Thu Hoa	05/01/2002	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
281	421	Bùi Thị Thúy Hoa	11/01/1990	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	TC	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	Thư viện	Trần Duy Hưng				
282	35	Quang Thị Kim Hoài	11/10/2001	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Vật lý học (Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm)	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
283	720	Lê Thu Hoài	10/04/1989	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
284	719	Bùi Thị Thu Hoài	17/08/1999	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
285	196	Lê Thị Thu Hoài	16/02/1993	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
286	693	Đặng Kim Hoàn	13/03/1997	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trương Công Giai				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiền sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học- ĐH, Cao đẳng- CĐ, Trung cấp- TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
287	44	Nguyễn Thị Hoàn	02/03/1995	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	GV	Địa lý	Trương Công Giai				
288	257	Nguyễn Đình Hoàng	10/01/2001	Nam	Trạm Lộ, Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Yên Hòa				
289	146	Nguyễn Thế Huy Hoàng	14/10/2002	Nam	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
290	636	Nguyễn Việt Hoàng	01/06/2002	Nam	Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
291	882	Phạm Hải Hòa	16/12/1985	Nữ	Khuong Thượng, Đông Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trương Công Giai		Tiếng Anh	bậc 3	
292	207	Nguyễn Minh Hòa	28/12/1999	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
293	625	Nguyễn Thị Minh Hòa	30/07/2002	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
294	45	Lộc Thị Thanh Hòa	15/04/1994	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh (Định hướng ứng dụng) (ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai	DTTS			
295	642	Nguyễn Thị Hòa	25/12/1999	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trương Công Giai	CBB			
296	798	Nguyễn Thị Hòa	11/11/1984	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trung Hòa	DTTS			
297	199	Phạm Thị Hòa	17/09/1996	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
298	761	Lưu Ánh Hồng	02/03/2000	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho GV tiểu học)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
299	516	Phạm Ánh Hồng	15/11/1989	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Công nghệ thông tin (Chứng chỉ nghiệp vụ văn thư lưu trữ)	NV	Văn thư	Trương Công Giai				
300	734	Lương Thị Hồng	02/11/1991	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng				
301	264	Nguyễn Thị Hồng	24/11/1998	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
302	533	Nguyễn Thị Hồng	06/02/1995	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
303	576	Nguyễn Thị Hồng	21/05/1994	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
304	583	Nguyễn Thị Hồng	05/05/1993	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
305	650	Trần Thị Hồng	01/02/1986	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	ThS	Lịch sử thế giới (ĐH Sư phạm Lịch sử)	GV	Lịch sử	Yên Hòa				
306	151	Vũ Thị Hồng	06/09/1987	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
307	172	Vũ Thị Hồng	09/05/1996	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (ĐH Sư phạm Sinh học)	GV	Sinh học	Trương Công Giai				
308	584	Phan Thúy Hồng	21/12/1991	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
309	727	Nguyễn Thị Thanh Huệ	10/08/1991	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (ĐH Sư phạm Vật lý)	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
310	272	Bùi Thị Huệ	20/08/1995	Nữ	Đồng La, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Trần Duy Hưng				
311	478	Phạm Thị Huệ	03/01/1992	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	CD	Sư phạm Vật lý (Chứng chỉ Nghiệp vụ Thông tin - Thư viện)	NV	Thư viện	Trương Công Giai				
312	799	Trần Thị Huệ	15/02/1991	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
313	279	Lê Thị Yên Huệ	15/06/1978	Nữ	Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội	TC	Văn thư, lưu trữ	NV	Văn thư	Trương Công Giai	CTB			
314	198	Phạm Thị Bích Huệ	24/04/2001	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
315	162	Nguyễn Thị Hồng Huệ	20/01/2002	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa lý	Lê Quý Đôn				
316	464	Lê Thị Huệ	17/12/1994	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
317	887	Phạm Thị Huệ	08/11/1980	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Tiếng Anh (ĐH Sư phạm Tiếng Nga, Chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
318	736	Trần Đức Huy	18/01/2002	Nam	Khánh Thượng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
319	68	Tào Hữu Huy	11/07/1999	Nam	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Hình học và Tô pô (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trương Công Giai				
320	622	Nguyễn Quang Huy	20/12/1993	Nam	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
321	40	Nguyễn Văn Huy	16/08/1995	Nam	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
322	263	Trần Diệu Huyền	22/08/2002	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng				
323	833	Bùi Khánh Huyền	05/12/1992	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Trần Duy Hưng		Tiếng Anh	bậc 3	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
324	747	Lê Khánh Huyền	02/08/1998	Nữ	Cầu Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học (dạy Toán học bằng Tiếng Anh)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
325	535	Hoàng Thị Khánh Huyền	20/03/2000	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa				
326	384	Vũ Thị Khánh Huyền	23/10/1995	Nữ	Phượng Đình, Trục Ninh, Nam Định	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
327	350	Trần Thị Minh Huyền	05/10/1991	Nữ	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Toán Giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
328	830	Tạ Ngọc Huyền	12/06/2002	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
329	214	Đỗ Thanh Huyền	24/10/1990	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Chính trị (Chứng nhận đáp ứng chuyên môn nghiệp vụ dạy môn GDCCD)	GV	Giáo dục công dân	Mai Dịch				
330	291	Đinh Thị Thanh Huyền	01/05/2000	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trương Công Giai				
331	400	Lê Thị Thanh Huyền	06/08/1997	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học chất lượng cao	GV	Toán học	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
332	541	Trần Thị Thanh Huyền	21/11/1998	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
333	125	Vũ Thị Thanh Huyền	01/10/2002	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng		tiếng Anh	bậc 3	
334	852	Vũ Thanh Huyền	22/11/2002	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
335	202	Hoàng Thị Huyền	04/09/1995	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
336	203	Nguyễn Thị Huyền	07/10/1998	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
337	234	Nguyễn Thị Huyền	11/10/2001	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
338	365	Nguyễn Thị Huyền	09/06/1993	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
339	877	Nguyễn Thị Huyền	03/02/2001	Nữ	Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		Tiếng Anh	bậc 3	
340	147	Phạm Thị Huyền	15/08/1988	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Hóa lý thuyết và Hóa lý (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
341	144	Trần Thị Huyền	01/01/1998	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm THCS)	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
342	344	Vũ Thị Huyền	10/02/2001	Nữ	Trục Thắng, Trục Ninh, Nam Định	ĐH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa lý	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
343	572	Nghiêm Thu Huyền	04/09/1996	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiến sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
344	216	Nguyễn Thu Huyền	01/08/1998	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh (ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Trường Công Giai				
345	224	Dương Thị Thu Huyền	11/12/2002	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
346	550	Nguyễn Thị Thu Huyền	30/05/1985	Nữ	Tà Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
347	672	Lê Trọng Huỳnh	17/09/1996	Nam	Phùng Giáo, Ngọc Lặc, Thanh Hóa	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	Giáo dục thể chất	Mai Dịch	DTTS	tiếng Anh	bậc 3	
348	95	Nguyễn Quốc Hùng	28/07/1996	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng				
349	248	Lê Thị Diễm Hương	27/07/1994	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
350	891	Phạm Thị Diệu Hương	18/12/2001	Nữ	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trường Công Giai				
351	526	Ngô Lan Hương	19/07/1990	Nữ	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử - Giáo dục quốc phòng	GV	Lịch sử	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
352	608	Nguyễn Lan Hương	14/11/1987	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
353	801	Phạm Lan Hương	04/12/2000	Nữ	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
354	867	Ngô Thị Lan hương	02/06/1993	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Toán giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
355	281	Nguyễn Thị Lan Hương	21/07/2002	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa lý	Dịch Vọng Hậu				
356	619	Nguyễn Thị Lan Hương	08/12/1999	Nữ	La Phù, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
357	473	Đàm Mai Hương	10/12/1998	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
358	683	Nguyễn Mai Hương	17/11/2002	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
359	691	Nguyễn Mai Hương	13/08/2000	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho GV Tiếng Anh cấp THCS)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
360	846	Bùi Thị Mai Hương	25/05/1999	Nữ	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trường Công Giai				
361	166	Nguyễn Thị Mai Hương	13/06/1999	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Trường Công Giai				
362	13	Nguyễn Thị Minh Hương	22/03/2002	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Ngữ văn	Trường Công Giai				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
363	689	Nguyễn Thị Sông Hương	21/06/2000	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng				
364	729	Nguyễn Thị Thanh Hương	12/09/1999	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
365	299	Phạm Thị Thanh Hương	07/04/1992	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
366	723	Lê Thị Hương	20/08/1987	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh học	Trần Duy Hưng	CTB	tiếng Anh	bậc 3	
367	306	Nguyễn Thị Hương	23/04/2002	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
368	485	Tạ Thị Hương	22/07/1996	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Sinh học (dạy Sinh học bằng tiếng Anh)	GV	Sinh học	Trần Duy Hưng				
369	779	Trần Thị Hương	15/06/1989	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
370	806	Bùi Thu Hương	07/12/1996	Nữ	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học (Dạy Toán học bằng Tiếng Anh)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
371	194	Nguyễn Thu Hương	27/08/1999	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm)	GV	Tiếng Anh	Dịch Vọng				
372	667	Hồ Thị Thu Hương	15/08/2000	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
373	63	Nguyễn Thị Thu Hương	14/01/2002	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
374	590	Nguyễn Thị Thu Hương	28/08/1996	Nữ	Hướng Đạo, Tam Dương, Vĩnh Phúc	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
375	439	Phạm Thị Thu Hương	27/09/1997	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trương Công Giai				
376	767	Nguyễn Thị Hường	27/05/1994	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	ThS	Hóa vô cơ (ĐH Hóa học, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giáo viên Hóa học)	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
377	182	Trần Thị Hường	14/10/1995	Nữ	Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
378	662	Trần Thị Hường	14/12/1993	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Phương pháp lý luận dạy học môn Toán (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trương Công Giai				
379	638	Hoàng Thu Hường	07/07/1999	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng				
380	756	Bạch Thị Thu Hường	12/06/1990	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	Ngữ văn (Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm)	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
381	370	Bùi Thị Thu Hường	11/10/2000	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo viên THCS)	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV, Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
382	827	Nguyễn Thị Thu Hương	03/01/1996	Nữ	Cần Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Quản trị văn phòng (Chứng chỉ nghiệp vụ hành chính - Văn phòng và Văn thư lưu trữ)	NV	Văn thư	Nghĩa Tân				
383	323	Bùi Minh Hương	11/10/1994	Nữ	Nam Vân, Nam Định, Nam Định	ThS	Lý luận phương pháp và dạy bộ môn Hóa học (ĐH Sư phạm Hóa)	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng				
384	804	Nguyễn Phương Khanh	13/11/2001	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
385	50	Nguyễn Thị Khanh	06/02/1987	Nữ	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Thể chất	GV	Giáo dục thể chất	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
386	325	Nguyễn Cao Khánh	07/05/1998	Nam	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
387	686	Nguyễn Thị Khuyên	25/08/1987	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	CD	Thư ký văn phòng (Chứng chỉ Nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ)	NV	Văn thư	Trương Công Giai				
388	862	Đỗ Chí Kiên	27/01/1992	Nam	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng	CTB	Tiếng Anh	bậc 3	
389	259	Cao Văn Kiên	11/10/1994	Nam	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Thể chất	GV	Giáo dục thể chất	Trương Công Giai				
390	336	Trần Văn Kiên	24/01/2000	Nam	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
391	762	Ma Thị Nguyệt Kiều	18/12/2002	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai	DTTS			
392	163	Nguyễn Thị Kiều	30/03/1999	Nữ	Tiền Phong, Thường Tín, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
393	338	Nguyễn Thị La	02/09/1991	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng	CTB	tiếng Anh	bậc 3	
394	48	Phùng Thị Lam	11/09/1994	Nữ	Tân Minh, Thanh Sơn, Phú Thọ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng	DTTS	tiếng Anh	bậc 3	
395	860	Dương Thị Phương Lan	18/07/1991	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Ths	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai				
396	11	Đinh Thị Lan	04/06/1994	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng	DTTS	tiếng Anh	bậc 3	
397	168	Đỗ Thị Lan	02/09/1988	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Văn học (ĐH Văn học, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
398	116	Nguyễn Thị Lan	14/10/1996	Nữ	Tào Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	TC	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	Thư viện	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 1	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiền sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
399	39	Trần Thị Lan	18/04/1994	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	ThS	Đại số và Lý thuyết số (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Mai Dịch				
400	372	Đào Thúy Lan	28/06/1994	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tin học	GV	Tin học	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
401	314	Hoàng Lê Tùng Lâm	16/12/1992	Nam	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học	GV	Toán học	Lê Quý Đôn				
402	633	Nguyễn Thị Phương Liên	24/08/1989	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh học	Mai Dịch				
403	544	Nguyễn Thị Liên	03/06/1991	Nữ	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (ĐH Sư phạm Vật lý)	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
404	715	Nguyễn Thị Liên	07/11/2000	Nữ	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng				
405	232	Phạm Thị Liễu	25/08/1988	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Đại số và Lý thuyết số (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
406	755	Lê Ánh Linh	20/07/2002	Nữ	Kim Bài, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng				
407	728	Đỗ Diệp Linh	17/03/1984	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Ngôn ngữ Anh (ĐH Sư phạm tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
408	519	Nguyễn Thị Diệp Linh	12/09/1998	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
409	592	Ngô Diệu Linh	15/08/1997	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa lý	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
410	301	Nguyễn Diệu Linh	05/05/1998	Nữ	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Dạy tiếng Anh như một Ngoại ngữ (ĐH Ngôn ngữ Anh, Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho Giáo viên tiếng Anh cấp THCS)	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
411	434	Nguyễn Diệu Linh	25/12/1992	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
412	588	Nguyễn Thị Diệu Linh	12/07/2002	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch				
413	276	Trần Gia Linh	30/03/2000	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Văn học (Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho Giáo viên THCS)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
414	262	Đỗ Hải Linh	02/09/1997	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng				
415	82	Hoàng Thị Hải Linh	20/10/1992	Nữ	Trương Định, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
416	93	Phạm Hồ Hiếu Linh	05/02/2001	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trung Hòa				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
417	682	Lê Hoài Linh	20/05/1997	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (ĐH Sư phạm Sinh học)	GV	Sinh học	Trương Công Giai				
418	863	Trần Thị Hoài Linh	09/12/1998	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng		Tiếng Anh	bậc 3	
419	450	Hà Khánh Linh	17/03/2002	Nữ	Trác Văn, Duy Tiên, Hà Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
420	142	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	12/07/2001	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Kế toán - Kiểm toán	NV	Kế toán	Trần Duy Hưng				
421	600	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	14/12/2002	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Lê Quý Đôn				
422	483	Nguyễn Khánh Linh	16/05/1999	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên THCS)	GV	Tiếng Anh	Yên Hòa				
423	842	Nguyễn Khánh Linh	14/11/1999	Nữ	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
424	284	Nghiêm Thị Khánh Linh	09/10/1997	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho Giáo viên THCS)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
425	62	Tổng Khánh Linh	21/05/2001	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
426	593	Lê Trần Mai Linh	25/02/2001	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Mai Dịch				
427	22	Lê Mỹ Linh	21/07/1998	Nữ	Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ThS	Toán ứng dụng (ĐH Sư phạm Toán học (day Toán bằng tiếng Anh))	GV	Toán học	Trung Hòa				
428	884	Phạm Thị Mỹ Linh	30/04/1999	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trương Công Giai		Tiếng Anh	bậc 3	
429	74	Lê Ngọc Linh	30/10/2001	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
430	606	Đào Nhật Linh	20/12/1999	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
431	104	Lê Nhật Linh	06/10/1999	Nữ	Tân Dân, Việt Trì, Phú Thọ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
432	389	Dur Thị Như Linh	04/09/2002	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên (2024)	GV	Sinh học	Trần Duy Hưng				
433	701	Đỗ Phương Linh	15/06/1997	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
434	523	Hoàng Phương Linh	21/08/2002	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
435	105	Lê Phương Linh	26/05/2003	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
436	559	Nguyễn Phương Linh	23/06/2001	Nữ	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
437	205	Bùi Thị Phương Linh	07/07/1999	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
438	555	Đỗ Thảo Linh	17/11/2002	Nữ	Phổ Huyện, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Dịch Vọng				
439	582	Trần Thảo Linh	16/10/1999	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
440	724	Đỗ Thị Linh	28/04/1998	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
441	621	Nguyễn Thị Linh	06/01/1994	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
442	360	Trần Thị Linh	12/04/2002	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
443	210	Đỗ Thùy Linh	18/04/1995	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Văn học Việt Nam (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
444	3	Nguyễn Thùy Linh	05/04/2002	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
445	204	Nguyễn Thùy Linh	01/04/2002	Nữ	Nam Bình, TP. Ninh Bình, Ninh Bình	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
446	427	Nguyễn Thùy Linh	02/08/1995	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Lê Quý Đôn				
447	807	Nguyễn Thùy Linh	25/09/2001	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Yên Hòa				
448	742	Phùng Thùy Linh	18/09/2000	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Công tác Xã hội (Chứng chỉ Kỹ năng nghiệp vụ hành chính - văn phòng và Văn thư - Lưu trữ)	NV	Văn thư	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 1	
449	415	Đặng Thị Thùy Linh	25/10/1997	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	Trương Công Giai	DTTS	tiếng Anh	bậc 3	
450	368	Lê Thị Thùy Linh	06/12/2001	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
451	677	Lê Thị Thùy Linh	12/12/1996	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
452	111	Phan Thị Thùy Linh	10/06/1990	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
453	76	Vũ Thùy Linh	19/05/1998	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiến sĩ-TS, Thạc sĩ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
454	318	Vũ Thùy Linh	14/10/1994	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Toán giải tích (ĐH Toán học, Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm)	GV	Toán học	Yên Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
455	265	Ngô Thủy Linh	14/12/2001	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Nghĩa Tân				
456	886	Trần Vương Linh	10/12/1980	Nam	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Mỹ thuật Việt Nam	GV	Mỹ thuật	Trương Công Giai		Tiếng Anh	bậc 3	
457	594	Hà Yến Linh	10/08/2002	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
458	655	Hoàng Ngọc Yến Linh	01/11/2002	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học (dạy Hóa học bằng Tiếng Anh)	GV	Hóa học	Trương Công Giai				
459	773	Nguyễn Yến Linh	04/10/1997	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học (dạy Toán học bằng Tiếng Anh)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
460	659	Trần Kim Loan	13/01/1998	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
461	158	Nguyễn Thị Ngọc Loan	08/11/2000	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
462	487	Phan Thị Thanh Loan	13/04/1989	Nữ	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐH Sư phạm Lịch sử)	GV	Lịch sử	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
463	697	Trương Thị Loan	23/05/1983	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	ThS	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (ĐH Tiếng Anh Sư phạm, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
464	43	Vũ Thị Loan	04/04/1998	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Nam Trung Yên				
465	349	Thái Nhật Long	13/06/2002	Nam	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
466	346	Lê Việt Long	13/02/2000	Nam	Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
467	14	Phạm Thị Luyến	13/03/1991	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
468	800	Nguyễn Thị Thanh Lương	05/09/2002	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai				
469	879	Nguyễn Tiến Lượng	05/09/1989	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	Ths	Lý luận Văn học (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
470	546	Tạ Thị Diệu Ly	16/03/1997	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng		tiếng Anh	bậc 3	
471	47	Lê Hải Ly	16/09/2000	Nữ	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
472	839	Nguyễn Thị Hoài Ly	16/01/1997	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
473	518	Ngô Hương Ly	30/06/1994	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Lê Quý Đôn				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiến sĩ-ThS, Thạc sĩ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV, Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
474	51	Mai Thị Hương Ly	17/10/2000	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Dịch Vọng				
475	243	Bùi Khánh Ly	30/06/1998	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	ThS	Toán Giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
476	156	Cao Thị Khánh Ly	27/04/2002	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
477	505	Nguyễn Thị Khánh Ly	18/11/2000	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ThS	Toán Giải tích (ĐH Sư phạm Toán)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
478	330	Đặng Thu Ly	02/12/2001	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch				
479	375	Vũ Thị Lý	15/06/1988	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
480	406	Đào Thị Huyền Mai	05/07/2001	Nữ	Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng				
481	249	Trần Thị Lê Mai	16/09/1997	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (ĐH Ngôn ngữ Anh)	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
482	515	Phan Ngọc Mai	12/11/2002	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
483	46	Nguyễn Thị Ngọc Mai	08/12/1999	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Yên Hòa				
484	730	Nguyễn Thị Phương Mai	03/08/1995	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
485	673	Đỗ Thị Quỳnh Mai	14/10/1994	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Đại số và Lý thuyết số (ĐH Sư phạm Toán)	GV	Toán học	Trung Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
486	84	Nguyễn Thị Thanh Mai	18/08/2000	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
487	386	Nguyễn Thị Mai	27/11/2002	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
488	547	Nguyễn Thị Mai	07/12/1990	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
489	446	Nguyễn Thị Thu Mai	25/12/2002	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
490	108	Đinh Thị Tuyết Mai	28/07/1994	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	ThS	Đại số và lý thuyết số (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
491	556	Trần Thị Mận	14/06/1989	Nữ	Vân Tảo, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
492	23	Cần Thị Mến	17/10/1992	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
493	680	Nguyễn Bình Minh	06/07/1998	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tin học	GV	Tin học	Nghĩa Tân				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV, Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
494	411	Lê Hồng Minh	27/01/1999	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
495	220	Nguyễn Nguyệt Minh	15/03/2002	Nữ	Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Nghĩa Tân				
496	495	Đàm Quang Minh	09/12/2001	Nam	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch				
497	663	Hoàng Thị Minh	07/11/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng		tiếng Anh	bậc 3	
498	113	Nguyễn Thị Minh	24/08/1988	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật	GV	Công nghệ	Mai Dịch				
499	170	Nguyễn Thị Minh	04/04/1989	Nữ	Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Công nghệ thông tin (ĐH Sư phạm Tin học)	GV	Tin học	Yên Hòa	CTB			
500	579	Nguyễn Văn Minh	20/08/2000	Nam	Nam Viêm, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
501	21	Đỗ Thị Mơ	04/03/1995	Nữ	Yên Bình, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
502	581	Hoàng Hà My	19/03/2002	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
503	329	Nguyễn Hà My	15/07/2001	Nữ	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
504	658	Bùi Trà My	12/10/2001	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
505	510	Nguyễn Trà My	09/07/2002	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch				
506	751	Nguyễn Trà My	26/04/2000	Nữ	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
507	356	Phan Nguyễn Trà My	07/02/2003	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
508	811	Đào Thị Trà My	16/02/2001	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
509	881	Đỗ Thành Nam	01/06/2002	Nam	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	Giáo dục thể chất	Mai Dịch				
510	685	Hoàng Tuấn Nam	03/07/2001	Nam	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Nghĩa Tân				
511	270	Nguyễn Văn Nam	25/08/1991	Nam	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
512	244	Nguyễn Thị Ánh Nga	08/09/1995	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
513	562	Chu Thị Hằng Nga	24/03/2002	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV, Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
514	613	Nguyễn Phương Nga	09/01/2001	Nữ	Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Bắc Giang	ĐH	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	GV	Sinh học	Trương Công Giai				
515	885	Phạm Thị Quỳnh Nga	31/12/1991	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		Tiếng Anh	bậc 3	
516	367	Nguyễn Thanh Nga	10/11/2001	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
517	614	Nguyễn Thanh Nga	20/08/2002	Nữ	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
518	741	Phan Thanh Nga	16/07/1998	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
519	458	Nguyễn Thị Thanh Nga	25/01/1996	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
520	551	Doãn Thị Nga	21/05/1989	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
521	424	Lê Thị Nga	03/09/1987	Nữ	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (ĐH Sư phạm tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
522	132	Nguyễn Thị Nga	02/03/1990	Nữ	Vinh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	CD	Kế toán (Chứng chỉ Thông tin Thư viện)	NV	Thư viện	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 1	
523	239	Nguyễn Thị Nga	05/11/1990	Nữ	Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Hình học và Tô pô (ĐH Toán học, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm)	GV	Toán học	Trung Hòa				
524	410	Nguyễn Thị Nga	10/08/1987	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Dịch Vọng				
525	793	Nguyễn Thị Nga	01/06/1998	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	Ths	Lý luận và Phương pháp dạy học Tiếng Anh (ĐH Sư phạm Tiếng anh)	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
526	712	Đỗ Thị Thúy Nga	05/01/1987	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	ThS	Toán Giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
527	81	Nguyễn Thị Thúy Nga	02/09/1987	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
528	380	Nguyễn Thị Lệ Nga	07/11/1988	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
529	670	Bùi Thu Nga	21/08/1999	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Hóa hữu cơ (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Trương Công Giai				
530	89	Đinh Kim Ngân	29/10/2002	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
531	75	Trịnh Kim Ngân	09/10/2001	Nữ	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm)	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
532	449	Tạ Minh Ngân	20/12/2002	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CĐ, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
533	212	Công Thị Ngân	03/08/1990	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
534	759	Trần Thị Hữu Nghĩa	26/12/2000	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh học	Trần Duy Hưng				
535	695	Nguyễn Hữu Minh Nghĩa	12/12/2000	Nam	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trương Công Giai				
536	646	Hà Thị Ngoan	26/09/1991	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Toán giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Mai Dịch	CBB			
537	54	Phùng Thị Anh Ngọc	17/01/1989	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
538	98	Vũ Bảo Ngọc	24/07/2000	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
539	20	Nguyễn Thị Bích Ngọc	29/03/1996	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn (chất lượng cao)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
540	312	Nguyễn Thị Bích Ngọc	30/03/1996	Nữ	Cổ Loa, Long Biên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
541	702	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/09/1996	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	ThS	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
542	302	Nguyễn Diệu Ngọc	05/05/1998	Nữ	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Dạy tiếng Anh như một Ngoại ngữ (ĐH Ngôn ngữ Anh, Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho Giáo viên tiếng Anh cấp THCS)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
543	38	Vũ Hải Ngọc	22/02/2002	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Chính trị	GV	Giáo dục công dân	Mai Dịch				
544	768	Mai Hồng Ngọc	30/09/2002	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai				
545	326	Nguyễn Hồng Ngọc	37594	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
546	610	Đỗ Thị Minh Ngọc	23/09/2001	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Mai Dịch				
547	313	Lâm Như Ngọc	25/12/2002	Nữ	Tân Thịnh, Hòa Bình, Hòa Bình	ĐH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa lý	Trương Công Giai				
548	752	Quách Như Ngọc	11/03/2001	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
549	497	Bùi Thị Ngọc	15/12/1990	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	GV	Địa lý	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
550	184	Nguyễn Thị Ngọc	20/06/1985	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Kế toán Doanh nghiệp	NV	Kế toán	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
551	818	Trần Thị Ngọc	08/03/1993	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	ThS	Văn học nước ngoài (ĐH Văn học, Chứng chỉ Nghiệp vụ Sư phạm)	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng		tiếng Anh	bậc 3	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học- ĐH, Cao đẳng- CD, Trung cấp- TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
552	159	Nguyễn Vũ Vân Ngọc	18/11/2002	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai				
553	258	Hoàng Bào Nguyên	21/11/1998	Nữ	Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng	DTTS	tiếng Anh	bậc 3	
554	444	Trần Thanh Hải Nguyên	15/12/1999	Nữ	Đồng Tháp, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
555	744	Phạm Thảo Nguyên	19/02/2002	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
556	175	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	21/10/2002	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
557	385	Đặng Minh Nguyệt	24/12/2001	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
558	640	Lê Minh Nguyệt	15/04/2002	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
559	303	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	15/03/1998	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Văn học Nước ngoài (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
560	651	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	30/01/1995	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Lê Quý Đôn				
561	694	Ngô Thị Nguyệt	12/05/1999	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
562	7	Nguyễn Thị Nhạn	10/10/1997	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
563	484	Nguyễn Trường Nhi	20/02/2000	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
564	152	Kiều Yến Nhi	13/11/2001	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
565	754	Cao Thị Yến Nhi	19/02/2002	Nữ	Văn Diễn, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
566	300	Nguyễn Hồng Nhung	17/11/1993	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	ThS	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Lê Quý Đôn				
567	498	Nguyễn Hồng Nhung	25/10/1999	Nữ	Dương Hà, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
568	545	Lê Thị Hồng Nhung	20/11/1999	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
569	395	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/05/1999	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Yên Hòa				
570	500	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/11/1994	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	ThS	Sinh Thái học (ĐH Sư phạm Sinh học)	GV	Sinh học	Trương Công Giai				
571	387	Phạm Thị Hồng Nhung	04/11/1994	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trương Công Giai				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV, Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
572	179	Trịnh Hồng Nhung	20/10/1982	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ThS	Văn học Việt Nam (ĐH Văn học, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm)	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai				
573	327	Bùi Thị Nhung	14/04/1995	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận phương pháp và dạy học môn Toán	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
574	802	Dương Thị Nhung	07/09/1999	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ThS	Toán giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
575	632	Nguyễn Thị Nhung	10/07/1996	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Dịch Vọng		tiếng Anh	bậc 3	
576	343	Phong Thị Nhung	11/10/1998	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
577	121	Trần Thị Nhung	08/09/2002	Nữ	Hưng Khánh, Trần Yên, Yên Bái	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	Giáo dục thể chất	Trương Công Giai				
578	609	Chữ Thị Trang Nhung	04/07/2001	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
579	242	Bùi Thị Quỳnh Như	10/06/1995	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (ĐH Sư phạm Vật lý)	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn				
580	355	Phạm Thị Như	26/09/1999	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Mai Dịch				
581	769	Phạm Thị Nuôi	03/10/2002	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
582	820	Bùi Đình Oanh	12/12/2000	Nam	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		Tiếng Anh	bậc 3	
583	492	Mai Thị Kiều Oanh	04/02/2001	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
584	617	Trần Thị Kiều Oanh	02/02/2001	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
585	739	Đinh Thị Thảo Oanh	15/12/1994	Nữ	TT.Yên Sơn, Yên Sơn, Tuyên Quang	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Mỹ thuật	Trương Công Giai	DTTS	tiếng Anh	bậc 3	
586	17	Nguyễn Thị Oanh	01/03/1998	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
587	190	Phùng Thị Oanh	22/10/2001	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
588	178	Trần Thị Oanh	07/03/1992	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (ĐH Sư phạm Sinh học)	GV	Sinh học	Trần Duy Hưng				
589	431	Lưu Thị Tú Oanh	08/05/1998	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
590	489	Giàng A Phú	30/04/2000	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa lý	Trương Công Giai	DTTS			

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
591	737	Nguyễn Thị Minh Phú	10/08/1992	Nữ	Thanh Lâm, Mế Linh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
592	543	Phạm Ngọc Phú	07/07/2002	Nam	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
593	451	Lê Văn Phú	25/06/2002	Nam	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	Giáo dục thể chất	Trương Công Giai				
594	630	Nguyễn Hồng Phúc	15/04/2001	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
595	763	Phạm Thị Hồng Phúc	06/12/1985	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	ThS	Lịch sử Việt Nam	GV	Lịch sử	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
596	174	Lê Ánh Phương	28/02/2002	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Yên Hòa				
597	173	Trần Bảo Phương	29/11/2000	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên các trường THCS)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
598	459	Nguyễn Thị Hà Phương	14/04/1994	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch				
599	335	Phạm Thị Hà Phương	20/07/1994	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm)	GV	Tiếng Anh	Trung Hòa				
600	107	Bùi Lan Phương	03/09/1988	Nữ	Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên các trường THCS)	GV	Tiếng Anh	Lê Quý Đôn				
601	864	Nguyễn Lan Phương	12/05/1997	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	ThS	Văn học Việt Nam (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		Tiếng Anh	bậc 3	
602	225	Phùng Lan Phương	15/08/2002	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Dịch Vọng				
603	171	Đàm Thị Lan Phương	28/02/1988	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn kỹ thuật công nghiệp (ĐH Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp - kỹ thuật công nghiệp)	GV	Công nghệ	Mai Dịch				
604	558	Ngô Minh Phương	04/11/2002	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
605	412	Nguyễn Thị Minh Phương	12/06/1996	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
606	18	Vũ Thị Như Phương	16/12/1999	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	Trần Duy Hưng				
607	374	Cao Thanh Phương	24/09/1998	Nữ	Xuân Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Yên Hòa				
608	354	Phạm Thanh Phương	26/01/2001	Nam	La Sơn, Bình Lục, Hà Nam	ĐH	Sư phạm Toán học (dạy bằng Tiếng Anh)	GV	Toán học	Trương Công Giai				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học- ĐH, Cao đẳng- CD, Trung cấp- TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
609	585	Nguyễn Thị Phương	22/11/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
610	865	Phan Thị Phương	16/10/1996	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng		Tiếng Anh	bậc 3	
611	363	Phạm Thị Phương	14/12/1999	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	ThS	Ngôn ngữ học (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
612	342	Phạm Thu Phương	06/02/2001	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Địa lý chất lượng cao	GV	Địa lý	Lê Quý Đôn				
613	320	Trần Thị Thu Phương	30/06/1996	Nữ	Tiên Lữ, Lập Thạch, Vĩnh Phúc	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
614	87	Phạm Thùy Phương	08/02/1995	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Trung cấp chuyên nghiệp)	GV	Tiếng Anh	Nam Trung Yên				
615	665	Trần Hồng Phương	28/04/1996	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Mai Dịch				
616	310	Đào Thị Mai Phương	25/07/1996	Nữ	Phú Cường, Sóc Sơn, Hà Nội	ThS	Toán giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Mai Dịch				
617	416	Trần Minh Phương	18/07/1989	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm	ThS	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Mai Dịch				
618	390	Phạm Thị Ngọc Phương	03/08/1996	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
619	250	Nguyễn Thị Thanh Phương	09/04/1995	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	ThS	Sinh thái học (ĐH Sư phạm Sinh học)	GV	Sinh học	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
620	322	Nguyễn Thị Phương	04/05/1995	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
621	189	Phương Thị Phương	15/05/1996	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
622	277	Vũ Thị Phương	21/09/1985	Nữ	Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	Kế toán (Chứng chỉ Nghiệp vụ thư viện)	NV	Thư viện	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 1	
623	750	Nguyễn Minh Quang	25/05/1996	Nam	TT. Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	ThS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán (ĐH Sư phạm Vật lý)	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn				
624	835	Nguyễn Minh Quang	18/09/2002	Nam	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Dịch Vọng				
625	311	Trần Đông Quế	14/12/2001	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
626	161	Nguyễn Thị Kim Quế	01/08/1992	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn				
627	83	Trần Thị Minh Quế	03/12/1992	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Yên Hòa				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
628	423	Phan Thị Quyên	07/12/1990	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Toán học (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
629	696	Trần Thị Quyên	04/09/1994	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh học	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
630	666	Giáp Thị Quyên	16/06/2001	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Lưu trữ học	NV	Văn thư	Nghĩa Tân				
631	261	Kim Văn Quyết	19/08/1990	Nam	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
632	828	Hoàng Diệu Quỳnh	08/06/2001	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý (Dạy Vật lý bằng tiếng anh)	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn				
633	517	Nguyễn Hương Quỳnh	14/03/1999	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Toán ứng dụng (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
634	90	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	10/03/1993	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
635	578	Dương Mỹ Quỳnh	26/01/2001	Nữ	Lộc Vượng, Nam Định, Nam Định	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng				
636	287	Dương Thị Mỹ Quỳnh	11/12/2002	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
637	286	Hoàng Như Quỳnh	11/03/1982	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
638	595	Hoàng Như Quỳnh	06/09/1993	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
639	31	Vũ Thị Như Quỳnh	09/12/1990	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng	DTTS			
640	823	Trần Phương Quỳnh	15/07/2001	Nữ	Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Khoa học Tự Nhiên	GV	Sinh học	Trần Duy Hưng				
641	649	Tào Trương Phương Quỳnh	27/12/2001	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
642	56	Phùng Thanh Quỳnh	13/02/1998	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn (hệ chất lượng cao)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
643	340	Mai Thị Quỳnh	07/04/1995	Nữ	Đông La, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Trung Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
644	215	Nguyễn Thị Quỳnh	19/01/1996	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
645	110	Lê Thị Thúy Quỳnh	07/11/2001	Nữ	Phú Phong, Hương Khê, Hà Tĩnh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
646	447	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	26/08/1991	Nữ	Tào Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
647	861	Đinh Ngọc Quý	20/06/1995	Nam	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	ThS	Vật Lí (ĐH Sư phạm Vật lý)	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng		Tiếng Anh	bậc 3	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
648	399	Phạm Thị Quý	01/10/1997	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Lịch sử Việt Nam (ĐH Sư phạm Lịch sử)	GV	Lịch sử	Nghĩa Tân				
649	520	Phạm Thị Quý	24/08/1986	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
650	548	Đinh Thị Sao	17/08/1990	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	ThS	Vật lý lý thuyết (ĐH Sư phạm Vật lý)	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
651	80	Đặng Đình Sơn	05/12/1996	Nam	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Chính trị (Chứng nhận đáp ứng chuyên môn nghiệp vụ dạy môn GD CD)	GV	Giáo dục công dân	Trần Duy Hưng				
652	193	Nguyễn Trịnh Tam	01/04/2002	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
653	185	Nguyễn Duy Tài	11/08/1996	Nam	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Toán học)	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
654	135	Trần Đăng Tâm	09/10/2000	Nam	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
655	274	Nguyễn Thị Minh Tâm	24/10/2002	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa				
656	445	Nguyễn Đỗ Thanh Tâm	27/06/2001	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	GV	Sinh học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
657	137	Nguyễn Thị Thanh Tâm	08/09/1994	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Dịch Vọng				
658	49	Phạm Thị Thanh Tâm	25/12/1981	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Mỹ thuật	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
659	726	Lương Thị Tâm	29/12/1994	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Toán Giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
660	231	Nguyễn Thị Tâm	22/04/1994	Nữ	Tư Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ThS	Hóa Lý thuyết và Hóa lý (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
661	9	Nguyễn Minh Thanh	03/12/1989	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
662	432	Tăng Ngọc Thanh	22/07/2001	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
663	176	Phạm Phương Thanh	28/04/2000	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Giáo dục công dân	GV	Giáo dục công dân	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
664	493	Vũ Thị Phương Thanh	04/05/1994	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
665	413	Đặng Thị Thanh	30/09/2001	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
666	892	Đinh Thị Thanh	29/03/1994	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa				
667	112	Đoàn Thị Thanh	24/05/2000	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiến sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
668	246	Đỗ Thị Thanh	10/10/1991	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Yên Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
669	647	Nguyễn Thị Thanh	03/01/1995	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trương Công Giai				
670	775	Trần Thị Thanh	15/02/1989	Nữ	Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Giáo dục Công dân	GV	Giáo dục công dân	Dịch Vọng		tiếng Anh	bậc 3	
671	255	Vũ Thị Thanh	25/12/1992	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn				
672	854	Vũ Thị Thanh	12/09/1994	Nữ	Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội	ThS	Hóa học môi trường (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Trương Công Giai				
673	60	Nguyễn Thu Thanh	17/04/2002	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
674	580	Đoàn Thị Phương Thao	15/07/2000	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai				
675	661	Hoàng Thị Thà	25/09/1980	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ThS	Kế toán	NV	Kế toán	Trần Duy Hưng	CBB			
676	465	Nguyễn Thị Bích Thảo	16/02/1995	Nữ	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
677	856	Đinh Phương Thảo	20/08/2002	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
678	797	Hoàng Phương Thảo	15/09/2002	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng				
679	574	Nguyễn Phương Thảo	21/10/2002	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
680	870	Nguyễn Phương Thảo	18/12/2002	Nữ	Lê Lợi, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		Tiếng Anh	bậc 3	
681	616	Chữ Thị Phương Thảo	03/07/1997	Nữ	Cổng Vĩ, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
682	285	Hà Thị Phương Thảo	18/11/2002	Nữ	Châu Sơn, Sông Công, Thái Nguyên	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
683	106	Nguyễn Thị Phương Thảo	30/09/1984	Nữ	Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Kỹ thuật công nghiệp (ĐH Sư phạm kỹ thuật)	GV	Công nghệ	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
684	463	Nguyễn Thị Phương Thảo	22/04/1984	Nữ	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Trương Công Giai				
685	794	Nguyễn Thị Phương Thảo	23/10/2000	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
686	5	Trần Phương Thảo	12/08/2002	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học (dạy Hóa học bằng tiếng Anh)	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
687	457	Nguyễn Thanh Thảo	29/07/2002	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
688	27	Lê Nguyễn Thanh Thảo	05/12/2002	Nữ	Hoành Sơn, Kinh Môn, Hải Dương	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trung Hòa				
689	8	Cao Phan Thanh Thảo	27/01/2002	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
690	577	Đỗ Thạch Thảo	26/05/1998	Nữ	Vân Nam, Phúc Thọ, Hà Nội	ThS	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn (ĐH Văn học)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
691	831	Đặng Thị Thảo	13/08/2002	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Dịch Vọng				
692	731	Đoàn Thị Thảo	07/03/1999	Nữ	Xuân Đình, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
693	745	Lê Thị Thảo	29/06/1994	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
694	33	Nguyễn Thị Thảo	10/06/1992	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm)	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
695	127	Nguyễn Thị Thảo	37296	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
696	347	Nguyễn Thị Thảo	17/10/1998	Nữ	Xuân Lâm, Thuận Thành, Bắc Ninh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
697	660	Nguyễn Thị Thảo	21/09/1993	Nữ	Trần Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Yên Hòa				
698	12	Phùng Thị Thu Thảo	17/10/1993	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh học	Trần Duy Hưng				
699	534	Bùi Thị Thắm	04/12/1997	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Giáo dục Công dân	GV	Giáo dục công dân	Mai Dịch				
700	816	Lý Thị Thắm	26/02/1991	Nữ	Đồng Hòa, Thái Bình, Thái Bình	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
701	748	Trần Đức Thắng	10/09/1998	Nam	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Dịch Vọng				
702	692	Trần Thị Thân	03/03/1993	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
703	102	Đỗ Thị Hồng The	24/04/1989	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
704	623	Bùi Thị Thêu	09/03/1999	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng	CBB			
705	77	Phạm Hoàng Thịnh	18/07/1996	Nam	Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học (dạy Toán học bằng tiếng Anh)	GV	Toán học	Dịch Vọng				
706	669	Trần Toàn Thịnh	09/05/2002	Nam	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học (dạy Toán học bằng Tiếng Anh)	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
707	570	Phạm Thị Tho	19/03/1992	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
708	706	Nguyễn Thị Kim Thoa	27/11/1992	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	ThS	Vật lý lý thuyết và Vật lý Toán (ĐH Sư phạm Vật lý)	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
709	657	Phạm Thị Thoa	27/07/1985	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Tiếng Anh (ĐH Sư phạm Hà Nội 2 cấp năm 2008)	GV	Tiếng Anh	Nghĩa Tân				
710	334	Hoàng Minh Anh Thơ	22/06/2002	Nữ	Cầu Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh chất lượng cao	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
711	191	Đỗ Thị Thơm	17/07/1990	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
712	454	Trần Thị Thơm	15/01/1988	Nữ	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Nghĩa Tân				
713	740	Nguyễn Tiến Thơm	28/02/1996	Nam	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
714	539	Nguyễn Thị Hoài Thu	18/03/1994	Nữ	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
715	150	Trần Hoài Thu	20/07/2002	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
716	41	Nguyễn Minh Thu	05/10/1999	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Toán ứng dụng (Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm)	GV	Toán học	Trương Công Giai				
717	743	Nguyễn Thị Phương Thu	03/10/2002	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Dịch Vọng				
718	36	Nhân Thị Phương Thu	06/12/1997	Nữ	Khuong Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
719	825	Nguyễn Thị Thanh Thu	23/02/1981	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	ThS	Lý luận và Phương pháp dạy học bằng Tiếng Anh (ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai	CĐCĐ			
720	177	Đặng Thị Thu	16/03/1993	Nữ	Việt Hưng, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
721	687	Đinh Thị Thu	04/05/1994	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	CD	Lưu trữ học (Chứng chỉ Nghiệp vụ Hành chính văn thư)	NV	Văn thư	Nghĩa Tân				
722	615	Hoàng Gia Thuần	03/10/1999	Nam	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
723	362	Đỗ Hải Thuận	14/05/1989	Nữ	Khuong Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	ThS	Hình học và Tô pô (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
724	604	Đỗ Thị Thuận	17/07/1987	Nữ	Tân Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng	CĐCĐ	tiếng Anh	bậc 3	
725	240	Nguyễn Thị Bích Thùy	04/08/1984	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	Kế toán (Chứng chỉ Nghiệp vụ văn thư, lưu trữ, thư viện)	NV	Văn thư	Trương Công Giai				
726	183	Đoàn Thị Diệu Thùy	20/04/1998	Nữ	Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa lý	Dịch Vọng Hậu				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sự-TS, Thạc sĩ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
727	709	Bùi Thị Thùy	16/03/1987	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	ThS	Lý luận Văn học (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng	DTTS	tiếng Anh	bậc 3	
728	460	Nguyễn Thị Thùy	22/10/1998	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Quản trị Văn phòng	NV	Văn thư	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 1	
729	810	Nguyễn Thị Thùy	16/08/1996	Nữ	TT. Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Dịch Vọng				
730	817	Nguyễn Thị Thùy	11/11/1994	Nữ	Mễ Trì Hạ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
731	435	Nguyễn Thị Thanh Thủy	26/12/1989	Nữ	Hoàng Liet, Hoàng Mai, Hà Nội	ThS	Lý luận Văn học (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
732	708	Vũ Thị Thanh Thủy	02/02/2000	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục công dân	GV	Giáo dục công dân	Trung Hòa				
733	819	Vũ Thị Thanh Thủy	23/02/2002	Nữ	Kiều Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Lê Quý Đôn				
734	339	Đinh Thị Thủy	10/05/2001	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn				
735	288	Nguyễn Thị Thủy	25/10/1979	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Công nghệ Thông tin (Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm)	GV	Tin học	Yên Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
736	528	Nguyễn Thị Thủy	09/03/1991	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa lý	Yên Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
737	678	Nguyễn Thị Thủy	16/02/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
738	795	Trần Thị Thủy	04/07/1991	Nữ	Thái Bảo, Gia Bình, Bắc Ninh	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
739	530	Trương Thị Thủy	18/04/1989	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	CD	Kế toán (Chứng chỉ Văn thư lưu trữ)	NV	Văn thư	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 1	
740	549	Nguyễn Thu Thủy	03/08/1996	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
741	676	An Thị Thu Thủy	20/12/1995	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Mai Dịch				
742	379	Nguyễn Thị Thu Thủy	17/03/1987	Nữ	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	Trương Công Giai				
743	92	Trần Thu Thủy	06/02/2001	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
744	690	Trần Thu Thủy	13/11/1996	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (ĐH Sư phạm tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
745	845	Vũ Hồng Thủy	27/10/1995	Nữ	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		Tiếng Anh	bậc 3	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiến sĩ-TS, Thạc sĩ-Ths, Đại học- ĐH, Cao đẳng- CB, Trung cấp- TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
746	223	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	28/08/1989	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Nam Trung Yên				
747	352	Nguyễn Thị Phương Thúy	15/06/1998	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Nam Trung Yên				
748	251	Nguyễn Thanh Thúy	24/04/2002	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trương Công Giai				
749	847	Nguyễn Thị Thanh Thúy	20/02/1988	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật	GV	Công nghệ	Mai Dịch				
750	624	Đỗ Thị Thúy	29/02/1988	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
751	97	Hoàng Thị Thúy	14/11/1996	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
752	337	Nguyễn Thị Thúy	12/09/1994	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ThS	Phương pháp Giảng dạy Tiếng Anh TESOL	GV	Tiếng Anh	Nghĩa Tân				
753	664	Nguyễn Thị Thúy	28/10/1994	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	GV	Công nghệ	Yên Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
754	668	Nguyễn Thị Thúy	06/12/1996	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Dịch Vọng		tiếng Anh	bậc 3	
755	2	Phùng Thị Thu Thúy	29/08/1996	Nữ	Chùa Thông, Sơn Tây, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm)	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
756	392	Nguyễn Anh Thư	15/04/2001	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng tiếng Anh)	GV	Toán học	Mai Dịch				
757	456	Nguyễn Hà Thư	09/10/2002	Nữ	Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
758	758	Đỗ Thị Minh Thư	30/09/1999	Nữ	Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh học	Trần Duy Hưng				
759	6	Nguyễn Thị Thanh Thư	18/05/2000	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn (chất lượng cao)	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
760	319	Lương Hoài Thương	26/03/2002	Nữ	Vạn Mai, Mai Châu, Hòa Bình	ĐH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa lý	Trương Công Giai	DTTS			
761	226	Nguyễn Hoài Thương	01/06/2002	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
762	777	Lưu Huệ Thương	14/09/1995	Nữ	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
763	766	Đậu Thị Kim Thương	10/05/2002	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Công nghệ	GV	Công nghệ	Yên Hòa				
764	422	Trần Thị Thương	16/04/1993	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	Kế toán (Chứng chỉ nghiệp vụ văn thư - lưu trữ)	NV	Văn thư	Nghĩa Tân				
765	481	Nguyễn Ngọc Thương	27/02/1991	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiến sĩ-TS, Thạc sĩ-Ths, Đại học- ĐH, Cao đẳng- CĐ, Trung cấp- TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Điểm ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
766	812	Trần Ngọc Thức	04/01/2001	Nam	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
767	357	Khuất Thị Kiều Tiên	07/10/2003	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
768	238	Bùi Thùy Tiên	12/11/1996	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
769	603	Nguyễn Anh Tiến	07/11/1992	Nam	Hương Canh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch				
770	96	Đỗ Việt Tiến	23/11/1999	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Dịch Vọng				
771	200	Nguyễn Mạnh Toàn	05/12/1993	Nam	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
772	448	Nguyễn Mạnh Toàn	26/06/2001	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	GV	Hóa học	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
773	383	Hoàng Hà Trang	31/01/2000	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học chất lượng cao	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
774	366	Lê Thị Hà Trang	09/09/2001	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
775	468	Nguyễn Hạ Trang	27/03/1997	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
776	552	Bùi Thị Hạnh Trang	19/10/2000	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai				
777	785	Dương Hồng Trang	14/10/2001	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
778	477	Nguyễn Huyền Trang	29/10/1998	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
779	126	Phan Huyền Trang	13/10/2001	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai				
780	428	Phạm Huyền Trang	31/10/1996	Nữ	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Chính trị (Chứng nhận đáp ứng chuyên môn nghề nghiệp vụ dạy môn GD CD)	GV	Giáo dục công dân	Dịch Vọng				
781	714	Đào Thị Huyền Trang	23/09/1995	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
782	101	Đặng Thị Huyền Trang	02/09/1990	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Yên Hòa		tiếng Anh	bậc 3	
783	527	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/10/1989	Nữ	Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
784	716	Phí Kim Trang	15/10/2000	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
785	30	Đỗ Thị Mai Trang	02/11/1985	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	ThS	Lý luận Văn học (ĐH Sư phạm Ngữ văn)	GV	Ngữ Văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học- ĐH, Cao đẳng- CD, Trung cấp- TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
786	844	Hoàng Minh Trang	19/08/1999	Nữ	Nguyễn Văn Huyền, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
787	124	Vũ Thị Ngọc Trang	11/07/1995	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	ThS	Hình học và Tôpô (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
788	513	Đàm Quỳnh Trang	06/01/2001	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Yên Hòa				
789	560	Nguyễn Quỳnh Trang	21/04/2001	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	Kinh tế & Quản lý CCA (Kế toán, Kiểm toán)	NV	Kế toán	Trương Công Giai				
790	472	Tạ Nữ Quỳnh Trang	29/03/2002	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
791	822	Trương Quỳnh Trang	31/03/2001	Nữ	Ngô Gia Tự, TP. Yên Bái, Yên Bái	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Lê Quý Đôn				
792	139	Đào Thị Trang	28/04/1999	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	ThS	Toán ứng dụng (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
793	703	Hoàng Thị Trang	31/08/1993	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (ĐH Sư phạm tiếng Anh)	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
794	154	Nguyễn Thị Trang	12/02/1990	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
795	631	Nguyễn Thị Trang	06/07/1994	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
796	65	Võ Thị Trang	26/11/1999	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh (Chất lượng cao)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
797	656	Vũ Thị Trang	25/07/1998	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
798	275	Dương Thu Trang	23/08/2002	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch				
799	774	Dương Thu Trang	15/08/2002	Nữ	Phú Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Nghĩa Tân				
800	332	Nguyễn Thu Trang	14/01/1997	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Khoa học Thư viện	NV	Thư viện	Trần Duy Hưng				
801	482	Phạm Thu Trang	07/09/1998	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
802	612	Phạm Thu Trang	24/02/2002	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai				
803	438	Nguyễn Thị Thu Trang	25/07/1998	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	ThS	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
804	490	Nguyễn Thị Thu Trang	17/01/1998	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
805	848	Nguyễn Thị Thu Trang	17/03/2002	Nữ	Thùy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa				
806	688	Trần Thị Thu Trang	17/01/1996	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
807	893	Trần Thu Trang	10/09/2002	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
808	597	Trương Thu Trang	13/01/1998	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trung Hòa				
809	235	Nguyễn Thùy Trang	15/08/2001	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
810	843	Nguyễn Thùy Trang	16/04/2002	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
811	525	Phạm Vân Trang	12/10/2002	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Kế toán Doanh nghiệp CLC	NV	Kế toán	Trương Công Giai				
812	569	Lê Thị Hương Trà	28/08/2002	Nữ	Đội Cung, Vinh, Nghệ An	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
813	880	Nguyễn Thanh Trà	11/12/1997	Nữ	Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	Tài chính - Ngân Hàng	NV	Kế toán	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
814	557	Công Thu Trà	14/12/1999	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
815	565	Hoàng Thúy Trà	28/06/1998	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Nghĩa Tân				
816	601	Đàm Ngọc Trâm	19/02/1996	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
817	889	Nguyễn Ngọc Trâm	11/10/2000	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch Sử	GV	Lịch sử	Trần Duy Hưng		Tiếng Anh	bậc 3	
818	4	Lưu Huệ Trân	10/03/2002	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học (dạy Toán học bằng tiếng Anh)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
819	229	Bùi Mỹ Trinh	17/05/1997	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trương Công Giai	DTTS			
820	791	Nguyễn Thị Trinh	24/01/2001	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên THCS)	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
821	494	Đỗ Thủy Trinh	01/12/1993	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
822	832	Phạm Thị Thanh Trúc	13/07/2002	Nữ	Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn				
823	228	Bùi Cao Tuấn	27/01/1994	Nam	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học-ĐH, Cao đẳng-CD, Trung cấp-TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
824	461	Phạm Minh Tuấn	20/11/2002	Nam	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
825	796	Phạm Văn Tuấn	01/05/1994	Nam	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	ThS	Hóa học Hữu cơ (ĐH Sư phạm Hóa học)	GV	Hóa học	Nghĩa Tân				
826	704	Lê Thị Minh Huệ	07/07/1996	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
827	850	Lê Thị Tuyền	29/09/1989	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Trung Hòa		Tiếng Anh	bậc 3	
828	324	Bùi Thị Kim Tuyền	21/10/1995	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	ThS	Lý luận phương pháp và dạy học môn Toán (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trung Hòa				
829	382	Ngô Thị Ngọc Tuyết	26/04/1996	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	Mai Dịch	CTB			
830	353	Nguyễn Thị Tuyết	16/04/1988	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo viên THCS)	GV	Tiếng Anh	Lê Quý Đôn				
831	788	Nguyễn Tiến Tùng	27/12/1997	Nam	Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Ths	Lý thuyết xác suất và thống kê Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
832	180	Đỗ Trung Tùng	13/11/1998	Nam	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	ThS	Phương pháp Toán sơ cấp (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Yên Hòa				
833	388	Vũ Anh Tú	29/12/1999	Nam	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	Giáo dục thể chất	Mai Dịch				
834	426	Trần Văn Tư	01/11/1988	Nam	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Giáo dục Chính trị (Chứng nhận đáp ứng chuyên môn nghiệp vụ dạy môn GDCCD)	GV	Giáo dục công dân	Mai Dịch				
835	770	Nguyễn Thị Tươi	14/11/2000	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng				
836	851	Nguyễn Bảo Uyên	30/05/2001	Nữ	Thượng Lâm, Mỹ Đình, Hà Nội	ĐH	Sư Phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa				
837	394	Nguyễn Thị Phương Uyên	17/05/1999	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
838	269	Nguyễn Thị Thu Uyên	06/05/1997	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Vật lý	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn		tiếng Anh	bậc 3	
839	298	Nguyễn Thị Thu Uyên	09/11/2002	Nữ	Kim Thư, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Lê Quý Đôn				
840	838	Trần Thị Thu Uyên	14/06/1996	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		Tiếng Anh	bậc 3	
841	805	Lê Thị Tố Uyên	28/02/1982	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TC	Thư viện - Thiết bị	NV	Thư viện	Trương Công Giai	CĐCĐ			

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Tha, Đại học- ĐH, Cao đẳng- CD, Trung cấp- TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
842	786	Nguyễn Thị Uyên	12/12/1994	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	Ths	Lý luận và phương pháp dạy học Vật lý (ĐH Sư phạm Vật lý)	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
843	260	Đỗ Hải Vân	26/04/2001	Nam	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
844	462	Đinh Thị Hồng Vân	26/07/1989	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trung Hòa				
845	571	Nguyễn Khánh Vân	25/07/1990	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh (Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm bậc 1)	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
846	345	Đinh Thanh Vân	09/06/2001	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
847	834	Hoàng Thanh Vân	05/06/2001	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trần Duy Hưng				
848	746	Bùi Thị Vân	22/04/1992	Nữ	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Đại số và Lý thuyết số (ĐH Sư phạm Toán)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng		tiếng Anh	bậc 3	
849	620	Chu Thị Vân	22/11/1997	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa lý	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
850	160	Lê Thị Vân	23/02/1985	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Mỹ thuật	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
851	699	Đỗ Thị Thúy Vân	11/12/1997	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tin học	GV	Tin học	Nghĩa Tân		tiếng Anh	bậc 3	
852	58	Dương Xuân Việt	12/08/1995	Nam	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	ĐH	Kế toán Doanh nghiệp	NV	Kế toán	Trần Duy Hưng				
853	213	Nguyễn Thị Vinh	12/02/1991	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán học (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
854	479	Nguyễn Thị Vinh	19/09/1989	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch		tiếng Anh	bậc 3	
855	267	Phạm Thị Vinh	10/06/1993	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	ThS	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch				
856	442	Dương Thị Thùy Vinh	20/02/1990	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Toán Giải tích (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
857	293	Đào Thị Vui	19/12/2002	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng				
858	475	Trần Thị Trà Vy	05/08/1998	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				
859	24	Nguyễn Thị Hương Xuân	03/06/1992	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ Văn	Trần Duy Hưng				
860	15	Đào Thị Minh Xuân	04/02/2002	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiên sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học- ĐH, Cao đẳng- CD, Trung cấp- TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	
861	398	Cần Thị Xuân	02/03/1990	Nữ	Yên Bái, Ba Vì, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
862	61	Dương Thị Xuân	30/08/1995	Nữ	Thị trấn Thừa, Lương Tài, Bắc Ninh	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Dịch Vọng		tiếng Anh	bậc 3	
863	403	Lê Thị Hồng Xuyên	20/02/1998	Nữ	La Phù, Hoài Đức, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Trung Hòa				
864	316	Nguyễn Xuân Yêm	14/05/1983	Nam	Vạn Mỹ, Ngõ Quyền, Hải Phòng	ThS	Phương pháp toán sơ cấp (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Nghĩa Tân				
865	67	Nguyễn Thị Yên	06/04/1988	Nữ	Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	ThS	Vật lý lý thuyết và vật lý toán (ĐH Sư phạm Vật lý)	GV	Vật lý	Lê Quý Đôn				
866	684	Nguyễn Thị Yên	15/09/1991	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật	GV	Công nghệ	Yên Hòa				
867	429	Lê Hải Yến	30/05/1997	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Trương Công Giai				
868	503	Nguyễn Hải Yến	27/10/1997	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán học	Mai Dịch				
869	883	Phạm Hải Yến	07/05/1999	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Mai Dịch				
870	376	Đặng Thị Hải Yến	14/02/2001	Nữ	Phượng Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	GV	Hóa học	Dịch Vọng				
871	282	Đinh Thị Hải Yến	17/06/2000	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	ĐH	Ngôn ngữ Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
872	813	Hà Thị Hải Yến	25/01/2002	Nam	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	Trần Duy Hưng				
873	878	Nguyễn Thị Hải Yến	16/08/1996	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Ngữ văn	Trương Công Giai		Tiếng Anh	bậc 3	
874	627	Vũ Thị Hải Yến	22/02/1994	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	ThS	Vật lý lý thuyết và Vật lý Toán (ĐH Vật lý lý thuyết, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm)	GV	Vật lý	Trần Duy Hưng				
875	292	Nguyễn Thị Ngọc Yến	23/07/1996	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Lịch sử	Yên Hòa		tiếng Trung	bậc 3	
876	34	Nguyễn Thị Yến	14/04/1995	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	ThS	Động vật học (ĐH Sinh học - ĐHSP Hà Nội, Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm)	GV	Sinh học	Mai Dịch				
877	760	Trần Thị Yến	30/10/1997	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	Trương Công Giai		tiếng Anh	bậc 3	
878	109	Vũ Thị Yến	23/03/1993	Nữ	Hai Bà Trưng, Phú Lý, Hà Nam	ThS	Toán ứng dụng (ĐH Sư phạm Toán học)	GV	Toán học	Trần Duy Hưng				

Danh sách này có 878 người

STT	Số tiếp nhận hồ sơ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ đào tạo (Tiền sỹ-TS, Thạc sỹ-Ths, Đại học- ĐH, Cao đẳng- CD, Trung cấp- TC)	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký (Giáo viên-GV Nhân viên-NV)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Sát hạch ngoại ngữ		Ghi chú
												Ngôn ngữ	Trình độ	

* Danh sách sắp xếp theo thứ tự A,B,C....

* Thí sinh chưa có văn bằng, chứng chỉ, tài liệu chứng minh trình độ năng lực ngoại ngữ phù hợp phải tham gia sát hạch ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng (Trình độ năng lực ngoại ngữ xác định theo bậc thuộc khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam)

GIẤY T.Đ